



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

MSDN: 0200344784 - Trụ sở: Tầng 2 Toà nhà Piaggio số 3 lô 28A

Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3826867 – Email: inlaco hp@inlaco hp.com.vn

Hải Phòng, ngày 12 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (INLACO -HP), trân trọng kính mời Quý Cổ đông, đại diện cổ đông công ty tới dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

1. Thời gian : 8h00 ngày 05 tháng 05 năm 2025

2. Địa điểm : Trung tâm tiệc cưới Lạc Hồng

Địa chỉ : 20A Lê Hồng Phong phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

3. Nội dung: Chi tiết nội dung chương trình, tài liệu thảo luận, biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được đăng tải tại trang thông tin điện tử của công ty : <http://www.inlaco hp.com.vn>

4. Đăng ký và xác nhận tham dự:

Đề nghị Quý cổ đông đến tham dự Đại hội mang theo Thông báo mời họp và CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN.

Đối với Bên được ủy quyền tham dự họp vui lòng mang theo các giấy tờ sau: Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền điền đầy đủ thông tin theo mẫu và CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN.

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự theo một trong các hình thức dưới đây:

- Gọi điện thoại trực tiếp Văn phòng Công ty theo số: 02253.826867
- Gửi xác nhận đến email: inlaco hp@inlaco hp.com.vn
- Gửi Giấy trực tiếp tại Trụ sở công ty: Tầng 2 Toà nhà Piaggio số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Rất mong Quý cổ đông thu xếp thời gian đến tham dự Đại hội.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phó chủ tịch



Phạm Sĩ Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

STT	VĂN BẢN
1	Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
2	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
3	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030)
4	Báo cáo của Ban điều hành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025
5	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030)
6	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã kiểm toán năm 2024
7	Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán trong năm 2025
8	Tờ trình của Hội đồng quản trị về sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS
9	Hướng dẫn đề cử, ứng cử , bầu cử thành viên HĐQT, Thành viên BKS
10	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc bầu cử HĐQT và BKS
11	Dự thảo Quy chế tổ chức và biểu quyết tại ĐHĐCĐ
12	Dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ
13	Mẫu Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ
14	Mẫu Đơn đề cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
15	Mẫu Đơn ứng cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
16	Mẫu Sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
17	Mẫu Phiếu biểu quyết
18	Mẫu Phiếu bầu cử thành viên HĐQT và Thành viên BKS



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

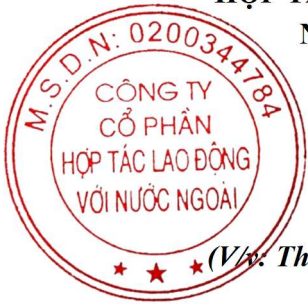
1. Thời gian: **08 giờ 00 phút, Thứ hai, ngày 05 tháng 05 năm 2025;**

2. Địa điểm: Trung tâm tiệc cưới Lạc Hồng

Địa chỉ : 20A Lê Hồng Phong phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Thời gian	Chương trình
08h00-08h30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra cổ đông tham dự Đại hội - Ban tổ chức: Thông báo lý do; Giới thiệu - Báo cáo kiểm tra và đăng ký cổ đông tham dự Đại hội - Giới thiệu nhân sự đoàn chủ tịch và chỉ định thư ký Đại hội - Đề cử Ban kiểm phiếu Đại hội - Giới thiệu chương trình, quy chế làm việc và biểu quyết - Đại hội biểu quyết thông qua: Danh sách Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Chương trình Đại hội
08h30-09h00	- HĐQT trình bày tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty - Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
09h00– 10h00	Trình bày các Báo cáo và Tờ trình - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030) - Báo cáo của Ban điều hành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030) - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 - Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán trong năm 2025 Thảo luận tại Đại hội về các nội dung đã trình bày Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình
10h00 – 10h15	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
10h15 – 11h15	Trình bày các nội dung: Hướng dẫn đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030). Tờ trình của Hội đồng quản trị về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030) và Thông báo danh sách ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ VII Tiến hành bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
11h15 – 11h35	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
11h35- 12h00	Công bố kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Trình bày Biên bản Đại hội và Dự thảo Nghị quyết Đại hội Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Thời gian	Chương trình
12h00-12h15	Chủ tọa Phát biểu tổng kết Đại hội Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII ra mắt Đại hội



**CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI
NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Số:

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.
- Điều lệ Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (“Công ty”);
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://inlaco hp.com.vn/en/blog/quan-he-co-dong-2>
2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://inlaco hp.com.vn/en/blog/quan-he-co-dong-2>
3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty dựa trên các nội dung sửa đổi, bổ sung đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại khoản 1 và khoản 2 Tờ trình này.
4. Các quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty được sửa đổi, bổ

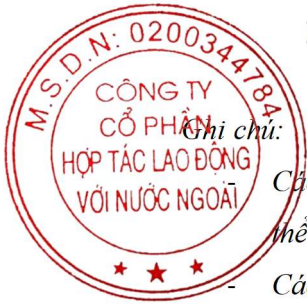
sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT, BKS, VT./*

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số

, ngày tháng năm 2025)

Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đen, in đậm**.
 - Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
 - Nghị định số 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán này 31 tháng 12 năm 2020.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Chưa có	Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022	Cập nhật luật mới
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
Chưa có	r) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty; s) Ban kiểm soát là Ban kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định pháp luật và Điều lệ này;	Cập nhật các khái niệm phù hợp với Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Điều 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-

	t) Cổ phần phổ thông là cổ phần phải có tại công ty cổ phần. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông có quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật Doanh nghiệp; aa) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần; bb) Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác	BTC
II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	
Tên Việt Nam: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY	Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI Tên công ty viết bằng tiếng Anh: INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY	Sửa đổi theo trường thông tin tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	
Chưa có	4. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Luật Doanh nghiệp 2020

	theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. 5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: a) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp; b) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần	
Chưa có	3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty 4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự	Bổ sung theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020

VI.CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI.CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 14. Quyền của cổ đông	
Chưa có	1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty	Cập nhật theo quy định tại điểm c Điều 111 Luật doanh nghiệp 2020
1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	Cập nhật số thứ tự
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Cập nhật số thứ tự
d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp	Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 142 của Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 13 : Đại hội đồng cổ đông	Điều 13 : Đại hội đồng cổ đông	
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải	Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

	mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty	
Điều 15 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 15 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	
Chưa có	3. Đối với tham dự họp theo hình thức trực tuyến, các cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy ủy quyền hợp lệ về Công ty trước khi cuộc họp khai mạc chính thức 4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện	Bổ sung phù hợp với thực tế tại Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp 2020
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp	5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp	Cập nhật số thứ tự
Điều 17 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 17 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
<u>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau</u>	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều 19 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 19 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	
a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, <u>các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại Đại hội và ô biểu quyết tương ứng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến</u> Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình <u>Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, biểu quyết bằng cách tích dấu “x” vào các ô biểu quyết “Tán thành”, hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”, sau đó nộp cho Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu kết quả biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp	Sửa đổi, bổ sung theo thực tế tại Doanh nghiệp
Điều 20 : Điều kiện để Nghị quyết của ĐHDCĐ được thông qua	Điều 20 : Điều kiện để Nghị quyết của ĐHDCĐ được thông qua	
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả <u>cổ đông dự họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả <u>cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>, trừ	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15

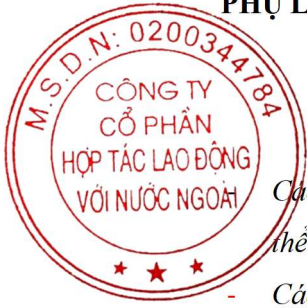
	trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15
Chưa có	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử	Bổ sung theo quy định tại Điều 148 Luật doanh nghiệp số 2020 và thực tế tại Doanh nghiệp
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Cập nhật số thứ tự
Điều 21 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật</u>	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp quy định tại	Mở nội dung, phù hợp với thực tế của Doanh nghiệp

<u>Doanh nghiệp.</u>	khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	
VII.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 24 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 24 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
<u>1. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn ứng cử viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên</u>	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Phụ lục I đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>2. Hồ sơ ứng cử viên phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức Đại hội 30 ngày để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách ứng cử viên.</u>	Bỏ điều khoản	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế tại Doanh nghiệp
<u>3.</u> Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty. <u>4.</u> Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên tối thiểu theo quy định; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết	<u>2.</u> Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty. <u>3.</u> Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên tối thiểu theo quy định; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội	Cập nhật số thứ tự

bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 5. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: 	đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: 	
6. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty <u>d) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</u>	5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 25 : Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 25 : Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [07] người.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [05] người.	Cập nhật theo thực tế tại Doanh nghiệp
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-

viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị	viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị	CP
Điều 26 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 26 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty <u>và</u> hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 29 : Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 29 : Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ <u>5 thành viên trở</u> lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp . Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 42 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 42 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc,	Sửa đổi theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh

đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a) Đối với giao dịch có giá trị <u>nhỏ hơn hoặc bằng [10%]</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b Đối với giao dịch có giá trị <u>lớn hơn [10%]</u> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ <u>[10%]</u> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc , người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn <u>[35%]</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b Đối với giao dịch có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn [35%]</u> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ <u>[35%]</u> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc , người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	nghiệp 2020
--	---	--------------------



PHỤ LỤC 02: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số , ngày tháng năm 2025)

Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.

- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế sửa đổi” là phần **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi	Căn cứ pháp lý
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Chưa có	Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022	Bổ sung căn cứ luật mới
Điều 3. Giải thích thuật ngữ	Điều 3. Giải thích thuật ngữ	
Chưa có	l. Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty m. “Người quản lý doanh nghiệp” là	

	người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty. n. “Đại hội cổ đông trực tuyến” hoặc “Đại hội trực tuyến” là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp o. “Phương tiện điện tử” là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự	
Điều 5. Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Đại hội đồng cổ đông	
Chưa có	5.Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện	Bổ sung theo quy định tại Điều 272 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
MỤC 1 <u>HỌP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ</u>	MỤC 1 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TRỰC TIẾP TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Diễn đạt lại câu chữ
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ	2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông	Bổ nội dung không phù hợp

đồng bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u> c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử; c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	và sửa đổi theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020.
Chưa có	3. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 thông tư 96/2020/TT-BTC
Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Chưa có	3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện	Bổ sung theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	
a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết <u>một phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử</u>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó	a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó	Cập nhật để phù hợp với thực tế tại Doanh nghiệp
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Doanh nghiệp
Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	
Chưa có	Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo các phương thức quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương đương hoặc Điều lệ công ty	Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
<u>2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử</u> <u>a) Phiếu biểu quyết</u> <u>Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cao sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định</u>	Bỏ nội dung này	Nội dung về tính hợp lệ của thẻ, phiếu biểu quyết, bầu cử sẽ được quy định chi tiết tại các quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của từng đại

<u>cho phiếu này.</u> <u>Nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu thực hiện quyền biểu quyết của mình theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Tổ chức.</u> <u>Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.</u> <u>b) Phiếu bầu cử</u> <u>Phiếu bầu cử hợp lệ: Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.</u> <u>Phiếu bầu cử không hợp lệ:</u> <u>•Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ</u> <u>•Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;</u> <u>•Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;</u> <u>•Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.</u>		hội
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	
1. Nguyên tắc chung a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, <u>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>	1. Nguyên tắc chung a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp	Cập nhật phù hợp với phần Mục nội dung
2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	Bổ sung phù hợp

<u>a/ Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình thông qua “Phiếu biểu quyết” bằng hình thức đánh dấu (X) vào các ô tương ứng “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” và nộp cho Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu ra.</u>	a) Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như ý kiến biểu quyết sau cùng là hợp lệ. b) Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu	với tình hình thực tế tại Doanh Nghiệp
Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	
Chưa có	3. Thông báo kết quả kiểm phiếu : Khi có kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu có đủ chữ ký của các thành viên. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê	Bổ sung phù hợp với thực tế tại Doanh nghiệp
Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông	Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của	

qua	Đại hội đồng cổ đông được thông qua	
a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của <u>tất cả cổ đông dự họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020	a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của <u>tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế và theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15
b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của <u>tất cả cổ đông dự họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020	b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của <u>tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15
Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
<u>1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u> <u>a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;</u> <u>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</u>	1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. 2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận	Sửa đổi theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2020 và Phụ lục II đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

<u>2. Các trường hợp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u> <u>3. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét, tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty</u>	được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	
MỤC 2 <u>TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN</u>	MỤC 2 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	Diễn đạt lại câu chữ
Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	
<u>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</u>	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung phù hợp với thực tế Doanh Nghiệp
<u>2. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản</u> <u>Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</u> <u>Định hướng phát triển công ty;</u> <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của</u>	Bỏ nội dung này	Không phù hợp

<u>từng loại;</u> <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;</u> <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản</u> <u>trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</u> <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Tổ chức lại, giải thể công ty..</u>		
3. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty đại chúng.	2. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty đại chúng.	Cập nhật số thứ tự
MỤC 3 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	MỤC 3 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	
Chưa có	2. Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này 3. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty	Bổ sung Quy định phù hợp với Điều lệ
2. Công ty gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm	4. Công ty gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo	Cập nhật số thứ tự

theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến	văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến	
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	
<u>3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</u>	Bỏ nội dung này	Nội dung về cách thức ghi nhận sẽ được đưa vào từng quy chế và hướng dẫn phù hợp với tình hình thực tế tại từng Đại hội
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	
3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền <u>trực tuyến</u> và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức	3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền theo mẫu của Công ty hoặc theo mẫu đáp ứng đủ quy định của pháp luật , có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc	Sửa đổi phù hợp với thực tế tại Doanh Nghiệp

	chính thức	
Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến	Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến	
<u>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty .	Sửa đổi phù hợp với Quy định tại Điều lệ
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	
1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết , trên đó ghi số đăng ký họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;	1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế tại Doanh nghiệp
Điều 39. Điều kiện tiến hành	Điều 39. Điều kiện tiến hành	
<u>2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này</u>	Bỏ nội dung này	Bỏ nội dung không phù hợp
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp <u>phải</u> được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử.	2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc được thông	Sửa đổi phù hợp với thực tế của Doanh Nghiệp

	qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu	Điều 41. Cách thức bỏ phiếu	
2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: <u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</u>	2. 2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Cách thức bỏ phiếu được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này và sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.	Sửa đổi, bổ sung thống nhất và phù hợp với thực tế tại Doanh nghiệp
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu	Điều 42. Cách thức kiểm phiếu	
Chưa có	3. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp	Sửa đổi phù hợp với thực tế Doanh nghiệp
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT	Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT	
1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	
b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (07) người.	b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (05) người.	Sửa đổi phù hợp với thực tế của Doanh nghiệp
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu <u>2/3</u> tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu <u>1/3</u> tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị	Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
b) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các	b) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 275 Nghị

tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</u>	chuẩn và điều kiện sau đây: - Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;	định 155/2020/NĐ-CP
Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	
<u>3. Hồ sơ ứng cử viên phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức Đại hội 30 ngày để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách ứng cử viên.</u>	Bỏ nội dung này	Không phù hợp
Chưa có	3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố gồm các nội dung sau đây: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;	Bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

	f) Các thông tin khác (nếu có); g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)	
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	
Chưa có	b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định	Bổ sung theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp
b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	Cập nhật số thứ tự
Điều 55. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 55. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	
Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị <u>nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định</u> tại các điểm a, khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực	Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị <u>nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định</u> tại điểm a, khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15

	ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan	
--	--	--



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Hải Phòng, tháng

năm 2025

Mục lục

Chương I.....	6
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	6
Chương II.....	8
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN	8
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	8
Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	8
Điều 3 : Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
Chương III	9
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 4 : Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	9
Điều 5 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	11
Chương IV	12
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	12
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	12
Điều 7 : Chứng nhận cổ phiếu.....	12
Điều 8 : Chứng chỉ chứng khoán khác	13
Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần	13
Chương V	13
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 10 : Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	13
Chương VI.....	13
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 11: Quyền của cổ đông	13
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 13 : Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 15 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 16 : Thay đổi các quyền.....	18
Điều 17 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20 : Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua.....	22

Điều 21 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 22 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Chương VII.....	25
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 24: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 25: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27 :Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	27
Điều 28 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 31: Người phụ trách quản trị công ty.....	30
Chương VIII.....	30
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	30
Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 33: Người điều hành công ty	30
Điều 34: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	30
Điều 35: Thư ký Công ty.....	33
Chương IX	33
BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 36: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 37: Thành phần Ban kiểm soát	33
Điều 38 : Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 39 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	34
Điều 40 : Cuộc họp của Ban kiểm soát	34
Điều 41 : Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	34
Chương X	35
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 42 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
Chương XI	36
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 44: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	36
Chương XII.....	37
CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37

Điều 45: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội.....	37
Điều 46: Công nhân viên và công đoàn.....	37
CHƯƠNG XIII	37
QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	37
Điều 47: Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác	37
Điều 48 : Quan hệ giữa Công ty với công ty con	37
Điều 49 : Quan hệ giữa Công ty với công ty liên kết	37
Chương XIV	38
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 50: Phân phối lợi nhuận.....	38
Điều 51: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	38
Chương XV.....	38
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	38
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 52: Tài khoản ngân hàng	38
Điều 53: Năm tài chính	39
Điều 54: Chế độ kế toán	39
Chương XVI	39
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 55: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	39
Điều 56: Báo cáo thường niên.....	39
Chương XVII	39
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 57: Kiểm toán	39
Chương XVIII CON DẤU.....	40
Điều 58: Dấu của Công ty	40
Chương XIX	40
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	40
Điều 59: Giải thể công ty	40
Điều 60: Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 61: Thanh lý.....	40
Chương XX.....	41
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 62: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
Chương XXI	41
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 63: Điều lệ công ty	41

Chương XXII	41
NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 64: Ngày hiệu lực	41



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ vào :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Quyết định số 77/1999/QĐ- BGTVT ngày 07/01/1999 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (INLACO – HP), doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

Chúng tôi những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, được tổ chức ngày 05 tháng 05 năm 2025 nhất trí thông qua và cam kết thực hiện các quy định của bản Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được sửa đổi phù hợp với các quy định mới của Pháp luật, gồm các điều khoản sau :

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- e) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) “Công ty” là Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- g) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/03/1999;
- h) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- k) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán:
- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp,
 - gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;
- m) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- n) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
- o) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- p) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- r) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty;
- s) Ban kiểm soát là Ban kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
- t) Cổ phần phổ thông là cổ phần phải có tại công ty cổ phần. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông có quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- aa) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- bb) Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội

dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY

Tên giao dịch: INLACO HAIPHONG

Tên viết tắt : INLACO – HP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp hiện hành của Việt Nam và được thành lập từ việc cổ phần hóa 100% Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài – doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ : Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : (0225)3826867/3826348/3550996/3827930

Fax : (0225)3826838

[E-mail] : inlaco hp@inlaco hp.com.vn

Webside : inlaco hp.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm kể từ ngày thành lập.

Điều 3 : Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu

giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty. Quyền hạn của từng người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;
- b) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4 : Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.</i>	7830 (chính)
02	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới việc làm	7810
03	Cung ứng lao động tạm thời	7820
04	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo và huấn luyện thuyền viên; Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho người lao động để cung ứng lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.</i>	8559
05	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
06	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
07	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết : Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển vận tải viễn dương và vận tải đường thủy nội địa</i>	5222
08	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,	6810
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt thép, bán buôn kim loại khác (trừ bán buôn vàng miếng)</i>	4662
12	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe	3315
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
18	Xây dựng nhà để ở	4101
19	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20	Xây dựng công trình điện	4221

21	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
22	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
25	Phá dỡ	4311
25	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
28	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là :

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn góp có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh các lĩnh vực về hàng hải, dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là : 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) và hiện nay là : 61.003.910.000 đồng (Sáu mươi một tỷ không trăm lẻ ba triệu và chín trăm mười nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.100.391 cổ phần với mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [I] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7 : Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu khi chưa được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8 : Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác, cổ phiếu Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10 : Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các

cổ đông khác đề cử.

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
2. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13 : Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên BKS;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Đối với tham dự họp theo hình thức trực tuyến, các cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy ủy quyền hợp lệ về Công ty trước khi cuộc họp khai mạc chính thức

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện

5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16 : Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị

phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết .
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến .



Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó chủ tịch/ hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người làm chủ tọa theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20 : Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các

khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi

fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- e) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- f) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên tối thiểu theo quy định; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
 - f) Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có);
 - g) Họ, tên của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông, số cổ phần sở hữu của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có)
 - h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế Ứng cử - đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.;
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty :
- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp ;
 - b) Có trình độ chuyên môn tối thiểu là kỹ sư hoặc cử nhân, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;
 - c) Không nhất là cổ đông của công ty;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, và người quản lý khác của công ty.

Điều 25: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [05] người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27 :Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, được trả thêm thù lao dưới dạng tiền lương theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.
Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của

thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - f) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì các thành viên còn lại bầu bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu

tập hợp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- f) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều

lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31: Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33: Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám

đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- j) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- k) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- l) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- m) Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- n) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- o) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- p) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- q) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 35: Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37: Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp nhận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38 : Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế

toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40 : Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41 : Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách

hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch

phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 46: Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 47: Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp công ty đầu tư góp vốn và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 48 : Quan hệ giữa Công ty với công ty con

Công ty thực hiện quyền chi phối của cổ đông, bên góp vốn chi phối thông qua Người đại diện của mình là các thành viên Hội đồng quản trị hoặc tại Đại hội đồng cổ đông đối với cơ cấu tổ chức, công tác cán bộ, ngành nghề kinh của doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh và phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của Pháp luật khác có liên quan.

Điều 49 : Quan hệ giữa Công ty với công ty liên kết

1. Công ty có quyền và nghĩa vụ của cổ đông đối với công ty liên kết theo Điều lệ của công ty liên kết đó hoặc theo hợp đồng góp vốn và theo các quy định có liên quan của Pháp luật.
3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.
4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp

thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

Chương XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50: Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, cổ tức được thanh toán trực tiếp tại công ty.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 51: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận sau thuế) được phân phối như sau:
 - a) Bù các khoản không được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập;
 - b) Bù các khoản lỗ (nếu có) của năm trước.
2. Lợi nhuận sau thuế còn lại, sau khi đã trừ các khoản của khoản 1 Điều này được phân phối theo thứ tự dưới đây:
 - a) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - b) Chia lãi cổ phần (cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông).
3. Đối với quỹ khen thưởng, phúc lợi, tùy theo kết quả kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức trích cụ thể và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Chương XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có

thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999.

Điều 54: Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

Chương XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57: Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề

có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVIII CON DẤU

Điều 58: Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

Chương XIX

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 59: Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 61: Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [30 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 12 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63: Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXII

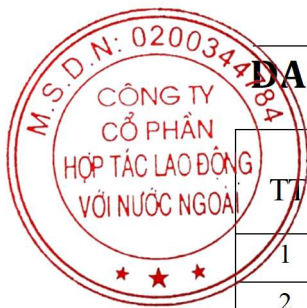
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64: Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 64 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhất trí thông qua ngày 05 tháng 05 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu

một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Giám đốc



Phụ lục I

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP (Tại thời điểm sửa đổi Điều lệ)

TT	Họ tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	
1	Thái Tuấn Anh	4.201	0,07	CBCNV Cty nghỉ hưu
2	Vũ Hồng Bằng	15.459	0,25	
3	Nguyễn Công Bằng	5.280	0,09	
4	Nguyễn Văn Biên	52.767	0,87	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc
5	Mai Thanh Bình	39.307	0,65	Nguyên TV HĐQT
6	Nguyễn Quốc Chiến	10.515	0,17	
7	Vũ Văn Cương	5.406	0,09	Thành viên BKS
8	Lê Vũ Cường	3.228	0,05	
9	Phan Văn Cường	6.709	0,11	
10	Nguyễn Bá Dân	1.483	0,02	
11	Vũ Đức Điệp	1.320	0,02	
12	Lê Thành Đạt	912	0,02	
13	Vũ Đình Đối	11.415	0,19	
14	Nguyễn Tiến Đông	37.275	0,61	CBCNV Cty nghỉ hưu
15	Tô Đức Dụ	777	0,01	Máy trưởng
16	Đình Công Đức	75	-	Thuyền trưởng
17	Nguyễn Minh Dũng	1.995	0,03	
18	Nguyễn Hữu Dương	328	0,01	CBCNV Cty nghỉ hưu
19	Nguyễn Văn Giản	25.575	0,42	CBCNV Cty nghỉ hưu
20	Hoàng Lê Hà	9.333	0,15	Chủ tịch HĐQT
21	Lê Trung Hà	202.108	3,36	
22	Nguyễn Bá Hải	6.306	0,10	
23	Nguyễn Minh Hải	11.602	0,19	
24	Nguyễn Sơn Hải	51.957	0,85	Phó giám đốc Cty
25	Phạm Hồng Hải	5.196	0,09	
26	Phạm Hữu Hải	7.503	0,12	

27	Đoàn Hồng Hạnh	5.250	0,09	CBCNV Cty nghỉ hưu
TT	Họ tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	
28	Bùi Đức Hậu	7.650	0,13	
29	Phạm Hải Hiệp	7.683	0,13	
30	Nguyễn Xuân Hò	123.600	2,03	Nguyên CT HĐQT
31	Nguyễn Quang Hòa	219.670	3,61	
32	Nguyễn Đức Hòa	5.956	0,10	
33	Lương Thu Hoài	73.083	1,20	Thành viên BKS
34	Nguyễn Thị Hồng	22.006	0,36	
35	Phạm Mạnh Hùng	1.825	0,03	
36	Trần Minh Hùng	2.629	0,04	
37	Phạm Quang Hưng	6.825	0,11	
38	Trần Ngọc Hưng	2.629	0,04	
39	Tô Văn Hưng	1.131	0,02	
40	Đỗ Văn Huỳnh	15.054	0,25	CBCNV Cty nghỉ hưu
41	Nguyễn Văn Khang	4.425	0,07	Trưởng phòng Cty
42	Nguyễn Quang Khanh	1.111	0,02	
43	Nguyễn Quốc Khánh	1.306	0,02	
44	Nguyễn Xuân Khiêu	3.255	0,05	
45	Lê Phan Linh	30.729	0,51	
46	Trần Quý Lợi	3.007	0,05	CBCNV Cty nghỉ hưu
47	Lương Thế Long	6.753	0,11	
48	Vũ Quang Long	46.509	0,77	
49	Bùi Hiền Lương	126	-	CBCNV Cty nghỉ hưu
50	Hà Minh Lý	4.609	0,08	
51	Vũ Đức Mạnh	4.683	0,08	CBCNV Cty nghỉ hưu
52	Nguyễn Văn Mễ	25.335	0,42	
53	Phạm Công Nghinh	52	-	
54	Quách Thị Thanh Nhân	30.604	0,50	
55	Nguyễn Ngọc Oánh	73	-	
56	Phạm Văn Quang	4.954	0,08	CBCNV Cty nghỉ hưu
57	Vũ Trung Quyên	129	-	
58	Đào Viết Riễn	400	0,01	CBCNV Cty nghỉ hưu
59	Nguyễn Huy Sáu	2.058	0,03	

TT	Họ tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
		Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	
60	Trần Ngọc Sinh	23.758	0,39	CBCNV Cty nghỉ hưu
61	Vũ Ngọc Sinh	65.505	1,08	Thành viên HĐQT
62	Hoàng Linh Sơn	107.550	1,77	Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty
63	Nguyễn Văn Sơn	484	0,01	
64	Vũ Đình Thành	7.710	0,13	
65	Trần Văn Thịnh	127	-	CBCNV Cty nghỉ hưu
66	Phạm Văn Thủy	505	0,01	
67	Đinh Việt Tiến	11.175	0,18	CBCNV Cty nghỉ hưu
68	Lê Kế Toán	16.228	0,27	
69	Dương Xuân Toàn	2.205	0,04	
70	Nguyễn Văn Toàn	106	-	
71	Thái Hữu Trung	6.501	0,11	
72	Phạm Sĩ Tú	24.600	0,40	Phó chủ tịch HĐQT
73	Bùi Xuân Tuấn	463	0,01	
74	Nguyễn Anh Tuấn	1.351	0,02	
75	Nguyễn Đăng Tuấn	1.855	0,03	
76	Nguyễn Thị Tuyết	74.130	1,22	CBCNV Cty nghỉ hưu
77	Nguyễn Xuân Vinh	81	-	
78	Nguyễn Xuân Vùng	44.101	0,73	CBCNV Cty nghỉ hưu
Tổng số		1.573.576	25,89%	

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI



QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hải Phòng, tháng 05 năm 2025

Mục Lục:

Chương I.....	6
QUY ĐỊNH CHUNG.....	6
Điều 1. Ý nghĩa - phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	6
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	6
Điều 3. Giải thích thuật ngữ	7
Chương II	9
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 5. Đại hội đồng cổ đông	9
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TRỰC TIẾP TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG....	11
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 7. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	11
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	15
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	17
Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	17
Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	18
Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
MỤC 2	21
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	21
Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	21
Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22
MỤC 3	24
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN.....	24
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	24
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	24
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử.....	26

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	26
Điều 28. Điều kiện tiến hành	27
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	27
Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến.....	28
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến.....	28
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến.....	30
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu	30
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	30
MỤC 4	31
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN	31
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 39. Điều kiện tiến hành	32
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu.....	33
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu.....	33
Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu	33
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	33
Chương III	34
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HĐQT	34
Điều 46. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT	35
Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị...	37
Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	38
Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 55. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	40
Điều 56. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	42
Điều 57. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	43
Chương IV	44
BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN.....	44
Điều 58. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	44

Điều 59. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	45
Chương V	46
BAN ĐIỀU HÀNH.....	46
Điều 60. Ban điều hành công ty	46
Điều 61. Các tiêu chuẩn của người điều hành công ty	46
Điều 62. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành	46
Điều 63. Giám đốc	47
Chương VI	50
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC	50
Điều 64. Nguyên tắc phối hợp	50
Điều 65. Thủ tục , trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty	50
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát và Giám đốc công ty	51
Điều 67. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	51
Điều 68. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	51
Điều 69. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức	52
Điều 70. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.	53
Chương VII	54
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT.....	54
ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	54
viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác	54
Điều 72.Tiêu chí đánh giá.....	56
Điều 73. Xếp loại đánh giá	56
Điều 74. Khen thưởng và kỷ luật	56
Chương VIII.....	57
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	57
Điều 75. Hiệu lực thi hành	57

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với nước ngoài**



PHẦN MỞ ĐẦU

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2021;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021.
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.*

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm các nội dung sau:



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa - phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.
4. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về:
 - a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và
 - d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
5. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

Việc quản trị công ty đối với Công ty phải tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau đây:

1. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
2. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
3. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;



4. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
5. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

b. “Công ty” là Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;

c. “Điều lệ công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua và chấp thuận ban hành;

d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

e. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;

f. “Ban điều hành” bao gồm : Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

g. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;

h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán 2019;

i. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

k. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

l. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty

m. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

n. “Đại hội cổ đông trực tuyến” hoặc “Đại hội trực tuyến” là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại

hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp

o. “Phương tiện điện tử” là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.



Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty.:

a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban



kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;



- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện

MỤC 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TRỰC TIẾP TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:* Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp ;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản b và c Điều 13 Điều lệ công ty.

Điều 7. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

2. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký chứng

khoán lập và gửi Công ty.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty – Năm 2025



3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;
- c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có)

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp:

a) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d) Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.



5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp

Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty có đóng dấu treo và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông :



a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó.

b) Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn vẫn có quyền đăng ký, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết những vấn đề còn lại tại đại hội.

c) Trường hợp cổ đông không thể tham dự trực tiếp thì có thể ủy quyền theo qui định tại Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền của cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình giấy ủy quyền và bản gốc của Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu khi đăng ký tham dự họp.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo các phương thức quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương đương hoặc Điều lệ công ty



Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp.
- c) Trong một số trường hợp Đại hội sẽ dùng hình thức biểu quyết tại chỗ nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

- a) Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như ý kiến biểu quyết sau cùng là hợp lệ.
- b) Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- a) Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;



b) Cổ đông/ người đại diện cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

c) Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

d) Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể theo Quy chế bầu cử được công khai và thông qua tại Đại hội.

2. Nguyên tắc trúng cử:

a) Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

b) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

c) Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu.

2. Ban kiểm phiếu thu phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử và tiến hành kiểm phiếu, sau khi có kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung cần Đại hội biểu quyết thông qua,

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu : Khi có kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu có đủ chữ ký của các thành viên.

Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê

a) Đối với phiếu biểu quyết : Trưởng ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu nêu rõ số phiếu phát ra/ số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ với tổng số cổ phần tương ứng ,tỷ lệ tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến (bỏ phiếu trắng) đối với từng vấn đề Đại hội đã biểu quyết và nộp lại biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa Đại hội.

b) Đối với phiếu bầu cử : Trưởng ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu riêng, nêu rõ số phiếu phát ra/ số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ với tổng số cổ phần tương ứng và tổng số phiếu cho từng ứng cử viên đã được bầu theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Biên bản được Trưởng ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết/ và danh sách các ứng cử viên đã trúng cử Hội đồng quản trị/ban kiểm soát được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.



Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đối với các điều được đại hội đồng cổ đông qua thông qua bằng phiếu biểu quyết.

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;
- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu bầu cử :

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.



5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu họp đính kèm biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định

5. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b) Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c) Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị



quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp

2. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty đại chúng.

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty;

4. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:



- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

- a) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- c) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- d) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- e) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- f) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- h) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.
2. Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này
3. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty
4. Công ty gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty – Năm 2025



2. Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và được gửi đến Công ty theo các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

3. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

3.1. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại,



địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền theo mẫu của Công ty hoặc theo mẫu đáp ứng đủ quy định của pháp luật, có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức

3.3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến

a) Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

b) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

1. Điều kiện để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm tổ chức Đại hội phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm họp thì Đoàn chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến nội dung phần gián đoạn đó;
- b) Địa điểm họp phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;
- c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;
- d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận;



- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu trực tuyến.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

Việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện như sau:

- a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được gửi kèm theo Thông báo mời hoặc và được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết;
- b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống;
- c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.
- d) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

- a) Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự nhưng không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.



- b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.
- c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- d) Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
- e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu liên tục các giờ trong ngày trong thời gian quy định được bỏ phiếu trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.
- f) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Thời điểm biểu quyết

- a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu;
- b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến;
- c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng;
- d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả



biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến;
- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết;
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.
2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được ghi nhận là nơi Ban Chủ tọa điều hành đại hội.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật chứng khoán và quy định về công bố thông tin của Công ty đại chúng.



MỤC 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty hợp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp *(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)*.

☐☐ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết (đối với cổ đông tham dự trực tiếp).

* Đối với các cổ đông tham dự trực tuyến: Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không



có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến : Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

a) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

b) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được gửi đến Công ty bằng các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc đại hội.

b) Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.



Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Cách thức bỏ phiếu được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này và sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.
3. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.
4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
2. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.
3. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.



Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 46 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- j) Báo cáo tình hình quản trị công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:



- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (05) người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có



quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn ứng cử viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên tối thiểu theo quy định; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố gồm các nội dung sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị, thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Nguyên tắc trúng cử :

- a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
- b) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 của Điều 47 Quy chế này;
- b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty – Năm 2025



- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng.

Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông, số cổ phần sở hữu của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có)
- h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế Ứng cử - đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.;



Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.
2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty.
5. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b Khoản 2 của Điều 47 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
6. Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu : Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.



2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường : Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát : Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị : Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 5 thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết : Một thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết, có thể áp dụng một số cách thức biểu quyết sau :

- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết);
- Tham dự và biểu quyết thông qua trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị :

a) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số trên 50% thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.



9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị :

a) Nội dung phiên họp Hội đồng quản trị được Thư ký công ty ghi trong sổ Nghị quyết họp Hội đồng quản trị của Công ty, với các nội dung cơ bản sau :

- Thời gian, địa điểm họp
- Họ tên thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết, ghi rõ thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng với các nội dung được quy định tại điểm a khoản 9 Điều này. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ngoài việc lưu chuyển trong nội bộ công ty để triển khai thực hiện, còn phải được công bố thông tin theo quy định đối với các công ty đại chúng.

Điều 56. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



3. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

Điều 57. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

- a) Có trình độ chuyên môn tối thiểu là kỹ sư hoặc cử nhân, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và có hiểu biết về luật pháp;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty :

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.



Chương IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 58. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát là kiểm tra, giám sát các hoạt động của cả Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để các hoạt động của công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

e) Trường hợp phát hiện hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.



c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Trường hợp vi phạm quy định về trách nhiệm của kiểm soát viên mà gây thiệt hại cho ông ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 59. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Các thành viên Ban kiểm soát bầu 1 người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát 2. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện tương tự như Điều 48 của Quy chế này quy định đối với đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát : Đại hội đồng cổ đông bầu Kiểm soát viên theo hình thức bỏ phiếu kín, bằng phương pháp bầu dồn phiếu.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;



- Có đơn từ chức và được chấp nhận:

b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 41 – Điều lệ công ty .

Chương V

BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 60. Ban điều hành công ty

Ban điều hành công ty gồm Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng

Điều 61. Các tiêu chuẩn của người điều hành công ty

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc, Phó giám đốc

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Là người có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt công việc được giao và

c) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

a) Phải có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành các chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và quy định của công ty;

b) Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác ít nhất trong nghề kế toán là hai (02) năm và có chứng chỉ kế toán trưởng và

Điều 62. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm thành viên Ban điều hành

a) Hội đồng quản trị lựa chọn và bổ nhiệm Giám đốc công ty với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

b) Hội đồng quản trị lựa chọn và bổ nhiệm các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc các chi nhánh theo đề xuất của Giám đốc và đánh giá của Tiểu ban nhân sự của HĐQT (nếu có).



c) Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm Người điều hành khác sau khi đã được Hội đồng quản trị công ty đồng ý.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

a) Cấp nào có thẩm quyền bổ nhiệm thì cấp đó có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm và điều chuyển đối với vị trí đó.

b) Thành viên Ban điều hành có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau :

- Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của công ty và quy định của luật pháp;
- Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc nếu vị trí đó do Giám đốc bổ nhiệm;
- Hết thời hạn bổ nhiệm mà công ty không gia hạn hoặc tái bổ nhiệm;
- Vi phạm kỷ luật lao động ở mức có thể áp dụng hình thức kỷ luật cách chức hoặc sa thải theo quy định của quy định của pháp luật lao động hoặc
- Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị (hoặc Giám đốc nếu vị trí đó do Giám đốc bổ nhiệm) xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Hội đồng quản trị (hoặc Giám đốc nếu vị trí đó do Giám đốc bổ nhiệm) có quyền điều chuyển thành viên Ban điều hành/ Người điều hành sang một vị trí công việc khác phù hợp hơn với trình độ chuyên môn, năng lực và sở trường của thành viên đó cũng như tình hình thực tế của công ty, dù ở cấp tương đương hay ở cấp thấp hơn, với điều kiện là việc điều chuyển này không trái với quy định của Hợp đồng lao động và pháp luật lao động.

3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều chuyển thành viên Ban điều hành.

a) Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều chuyển thành viên Ban điều hành sẽ được thông báo cho thành viên trực đó bằng cách tiếp quyết định cho người đó và thông báo cho toàn thể cho tập thể người lao động trong công ty.

b) Các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

a) Vai trò, trách nhiệm của Giám đốc : Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;



- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc



- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020; \ Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty. Kiểm
- soát viên của công ty:
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty:
- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh
- của công ty từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh
- của công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

- Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Giám đốc công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Giám đốc công ty. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ công ty.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc công ty trong các trường hợp sau đây :

- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty;
- Để công ty thua lỗ trong (02) năm liên tiếp hoặc (02) năm không đạt hoàn thành được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và việc giải trình việc không thực hiện được không được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông chấp nhận;
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng lao động hoặc vi phạm Điều lệ, các quy chế của công ty;
- Do sức khỏe không đảm bảo tiếp tục công việc và
- Khi xét thấy vì lợi ích của công ty.

e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được thông báo trong nội bộ công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy



định của pháp luật đối với công ty đại chúng và Điều lệ công ty.

f) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

- Giám đốc công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả kinh doanh

- Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 64. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và phát triển công ty theo các nguyên tắc sau :

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty; không sử dụng những thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ, và các Quy chế của Công ty;
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi thông tin để cùng nhau giải quyết tháo gỡ khó khăn (nếu có).
4. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình việc đó khi có yêu cầu.

Điều 65. Thủ tục , trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty.

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT và được mời dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thời gian gửi giấy mời dự họp theo quy định của Khoản 6 Điều 29 Điều lệ Công ty. 2. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc người quản lý khác (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Giám đốc chủ trì, có quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.



Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát và Giám đốc công ty.

Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của HĐQT phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT trong vòng 24 giờ kể từ khi xác lập.

Điều 67. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT

Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT để đưa ra quyết định.

Việc yêu cầu triệu tập họp HĐQT trong trường hợp này được thực hiện theo các Khoản 3,4 và 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a) Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do Giám đốc quản lý theo quy định tại Điểm e, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty.
- Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điểm h, Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.
- Đề xuất của Ban kiểm soát về việc chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần phải tham gia ý kiến.

b) Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT, HĐQT phải có ý kiến trả lời trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 68. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Giám đốc Công ty thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điểm m, Khoản 4 Điều 34, Điều lệ Công ty về việc trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

1. Trong quá trình thực hiện, định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm Giám đốc Công ty gửi HĐQT báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong kỳ; kế hoạch phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty và báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (nếu có).



2. Hàng tháng, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm báo cáo nhanh HĐQT về tình hình hoạt động của công ty để có cơ sở cho các thành viên HĐQT kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

3. Ngoài việc báo cáo định kỳ HĐQT được quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, Giám đốc công ty phải báo cáo HĐQT :

a. Kết quả thực hiện các công việc đột xuất liên quan đến lợi ích của công ty mà HĐQT đã chỉ đạo thực hiện trong kỳ;

b. Các công việc xảy ra liên quan đến lợi ích của công ty, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc công ty (nếu có).

Điều 69. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể :

a) Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

b) Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, sự cố....) và phải báo cáo lại HĐQT trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định.

c) Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với Giám đốc hoặc những người có liên quan tới Giám đốc theo quy định của pháp luật.

2. Việc cung cấp thông tin cho HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 159 và Điều 171 Luật Doanh nghiệp:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

b) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 70. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

- a) HĐQT tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao
- b) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông công ty.
- c) Chủ tịch/ Phó chủ tịch HĐQT có thể tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì.
- d) Tại cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì có thể mời Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT), Phó giám đốc, hoặc cán bộ quản lý khác có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu có).
- e) Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ trong thời gian ngắn nhất.
- f) Định kỳ theo quy định, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT cùng với các kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý trực tiếp cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Phối hợp giữa HĐQT và Ban kiểm soát

- a) HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;



đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

b) Chủ tịch HĐQT đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của ban kiểm soát.

c) Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

d) HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc và Người quản lý khác trong Công ty :

a) Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban giám đốc hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự cuộc họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể đóng góp ý kiến. Sau họp Giám đốc sẽ gửi cho Ban kiểm soát biên bản cuộc họp này.

b) Giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của ban kiểm soát, theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

c) Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

d) Các văn bản báo cáo của Giám đốc trình HĐQT phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên HĐQT.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 71. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác.

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác được thực hiện theo quy định của công ty và theo một, một vài hoặc tất cả các phương thức sau :

a. Tự nhận xét đánh giá;

b. Đánh giá hoạt động theo định kỳ 6 tháng, (01) năm; c. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất hoặc



- d. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. Giám đốc công ty sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của tất cả các chức danh khác do Giám đốc bổ nhiệm

Điều 72. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác, bao gồm :

1. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị mình được giao phụ trách.
2. Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, việc tuân thủ và chấp hành các quy định, quy chế, Điều lệ công ty và pháp luật.
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhận.
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc thực hành tiết kiệm, chống quan liêu lãng phí.
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 73. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác được phân loại :

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các văn bản đánh giá hoạt động thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác phải được lưu giữ tại công ty.

Điều 74. Khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng :

- a. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác có thành tích trong công việc quản trị, điều hành công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét khen thưởng .
- b. Các hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế của công ty tại từng thời điểm.

2. Kỷ luật :

- a. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm các quy định của công ty, quy định của pháp luật thì tùy tính chất mức



độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

- b. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm.
- c. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo các quy định của công ty và quy định của pháp luật

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

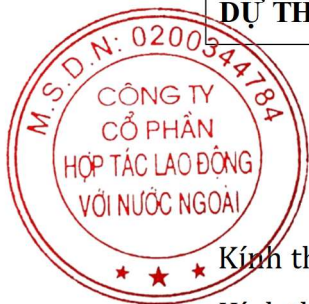
Điều 75. Hiệu lực thi hành

- 1. Quy chế này nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài gồm 8 chương 31 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
- 2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nhiệm kỳ VI (2020 -2025)
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



Kính thưa các Quý vị đại biểu!

Kính thưa các Quý vị cổ đông !

Căn cứ vào các quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế quản trị công ty, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, tôi xin báo cáo trước Đại hội tình hình và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2020 – 2025) và đưa ra các định hướng trong hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ VII, với các nội dung chính như sau:

I – Tổng kết nhiệm kỳ VI (2020 – 2025)

1. Tình hình chung

Nhiệm kỳ VI (2020 – 2025), Hội đồng quản trị Công ty hoạt động trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục có nhiều biến động, ảnh hưởng sâu rộng đến các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai, đặc biệt là ngành vận tải biển. Trong đó, giai đoạn đầu nhiệm kỳ (2020 – 2021) chịu tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác điều hành và bố trí thuyền viên làm việc trên các tàu của chủ tàu nước ngoài – lĩnh vực đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI đã thể hiện quyết tâm cao trong việc kế thừa và tiếp tục triển khai 03 nhiệm vụ trọng tâm được chuyển giao từ nhiệm kỳ V, cụ thể như sau:

- 1.1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm cắt lỗ, giảm áp lực tài chính và bảo đảm dòng tiền phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 1.2. Mở rộng và khai thác thị trường mới nhằm tăng trưởng doanh thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh và ổn định việc làm cho người lao động.
- 1.3. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, qua đó duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm việc làm và cải thiện đời sống cho người lao động.

2. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong nhiệm kỳ VI

Trong suốt nhiệm kỳ VI, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn bám sát ba nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra. Cụ thể như sau:

a/ Thực hiện tái cơ cấu tài sản

Là một doanh nghiệp quy mô nhỏ, với nguồn vốn đầu tư chủ yếu dựa vào vốn vay ngân hàng thương mại, Công ty đã đầu tư vào đội tàu trong giai đoạn thị trường vận tải biển tăng trưởng nóng, sử dụng nguồn vốn bằng đồng Đô la Mỹ. Tuy nhiên, dưới tác động kéo dài của khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, cùng với tình hình thị trường vận tải biển diễn biến xấu kéo dài nhiều năm, hoạt động khai thác đội tàu gặp khó khăn do phải trích khấu hao lớn và gánh chịu chi phí tài chính cao (bao gồm cả lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá). Hệ quả là lĩnh vực vận tải biển của Công ty liên tục thua lỗ trong nhiều năm.

Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên qua các năm, đến nay, Công ty đã hoàn tất việc cơ cấu lại tài sản và xử lý nợ vay ngân hàng. Đây là bước đi quan trọng nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

b/ Phát triển thị trường, gia tăng doanh thu, cải thiện hiệu quả hoạt động và bảo đảm việc làm cho người lao động; từng bước giảm lỗ, tiến tới có lãi.

• Đánh giá chung

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, sự đoàn kết nhất trí của tập thể Ban điều hành, sự hợp tác và chia sẻ khó khăn của lực lượng sĩ quan thuyền viên và người lao động trong công ty – Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, tăng doanh thu, tăng cường kiểm tra, giám sát và phối hợp hiệu quả giữa văn phòng và khối thuyền viên. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định; việc làm và thu nhập của người lao động tiếp tục được bảo đảm.

Các mục tiêu trọng tâm đặt ra cho nhiệm kỳ đã cơ bản được hoàn thành, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển ổn định trong các giai đoạn tiếp theo.

Lĩnh vực cung ứng thuyền viên cho các chủ tàu trong nước và nước ngoài tiếp tục được giữ vững và ổn định.

Nhìn chung, Công ty đã từng bước thoát khỏi tình trạng thua lỗ kéo dài trong nhiệm kỳ trước (2015 – 2020), tạo dựng nền tảng tài chính lành mạnh hơn cho các hoạt động kinh doanh.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI – NĂM 2025

Đơn vị tính: 1.000 đ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu	134.119.479	183.422.218	231.361.292	184.376.018	143.569.588
Tổng lợi nhuận trước thuế	9.355.547	12.980.677	18.977.792	2.676.446	12.124.543
Thuế TNDN	31.758	103.701	19.027	2.159.328	2.481.432
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.323.788	12.876.975	18.958.764	517.116	9.643.110
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.305.930	12.849.249	18.943.068	2.058.843	9.593.503
Vốn chủ sở hữu	19,054,504	31,931,480	50,890,245	51,508,120	58,002,741
Vốn góp của CSH	61.003.910				

Từ năm 2017 trở về trước vốn chủ sở hữu của công ty âm do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế quốc tế, kinh doanh của công ty bị lỗ trong nhiều năm liên tiếp (Năm 2017 vốn chủ sở hữu vẫn còn âm: (1.921.299.285) đ – vốn chủ sở hữu của năm 2019/ năm cuối cùng của nhiệm kỳ V: 9.730.715.734 đ; vốn chủ sở hữu của năm 2024/ năm cuối cùng của nhiệm kỳ VI: 58.002.740.774 đ gấp gần 6 lần so với năm đầu tiên của nhiệm kỳ.

3. Các công việc khác

- Tuân thủ theo các quy định sửa đổi của pháp luật đối với các công ty đại chúng, trong năm 2021, Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế Nội bộ về quản trị công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty lần thứ 22, ngày 29 tháng 10 năm 2021.

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a/ Tổ chức

a.1/Hội đồng quản trị công ty khóa VI (nhiệm kỳ 2020 – 2025) gồm 7 thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty bầu ngày 18/6/2020 gồm :

1. Ông Lê Trung Hà - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Sĩ Tú - Phó chủ tịch HĐQT
3. Ông Hoàng Linh Sơn - Ủy viên HĐQT
4. Ông Vũ Ngọc Sinh - Ủy viên HĐQT
5. Ông Nguyễn văn Biên - Ủy viên HĐQT

6. Ông Nguyễn Bá Hải - Ủy viên HĐQT

7. Bà Trịnh Thị Nga - Ủy viên HĐQT

Vì nguyện vọng cá nhân, ngày 27/01/2022, ông Lê Trung Hà đã làm đơn xin nghỉ không đảm nhận chức danh Chủ tịch HĐQT và đề nghị Hội đồng quản trị công ty bầu chủ tịch Hội đồng quản trị mới thay thế. Hội đồng quản trị đã nhất trí và bầu ông Vũ Ngọc Sinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty thay ông Lê Trung Hà từ ngày 28/01/2022 đến nay.

a. 2/ Hội đồng quản trị công ty đã bổ nhiệm các ông bà sau tham gia Bộ máy điều hành công ty nhiệm kỳ VI (2020 – 2025)

- Ông Hoàng Linh Sơn : Giám đốc công ty thay ông Lê Trung Hà
- Ông Nguyễn Văn Biên : Phó giám đốc công ty
- Ông Phạm Hồng Hải : Phó giám đốc công ty
- Bà Vũ Hoàng Phương : Kế toán trưởng

Những thay đổi trong bộ máy điều hành :

- Ông Phạm Hồng Hải – Phó giám đốc công ty, xin nghỉ làm vì lý do cá nhân, Hội đồng quản trị công ty đã đồng ý miễn nhiệm chức danh “Phó giám đốc” của ông Phạm Hồng Hải từ ngày 31/12/2021.
- Ông Nguyễn Văn Biên – Phó giám đốc công ty, vì lý do cá nhân đã có đơn xin nghỉ làm việc, Hội đồng quản trị công ty đã đồng ý miễn nhiệm chức danh “Phó giám đốc” của ông Nguyễn Văn Biên từ ngày 25/10/2024.
- Bà Vũ Hoàng Phương được công ty điều động nhận công tác khác nên đã từ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng công ty, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định bổ nhiệm bà Tạ Thị Tuyết Minh – Phó phòng Tài chính kế toán giữ chức vụ: Kế toán trưởng công ty thay bà Vũ Hoàng Phương từ ngày 25/10/2024.

b/ Hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ, HĐQT luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật trong công tác quản lý, điều hành. HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ, bất thường và đột xuất; qua đó thực hiện chức năng quản trị trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết các kế hoạch, định hướng kinh doanh hằng năm của Công ty. Đồng thời, HĐQT thường xuyên giám sát, nắm bắt tình hình và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình điều hành, từ đó đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm

hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ. Hoạt động chỉ đạo, điều hành của HĐQT luôn bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên nhằm thực hiện hiệu quả các nội dung đã được Đại hội cổ đông thường niên quyết nghị thông qua.

- Hàng quý, HĐQT tổ chức họp định kỳ để sơ kết tình hình sản xuất kinh doanh và định hướng kế hoạch cho quý tiếp theo, làm cơ sở để Ban Giám đốc triển khai thực hiện. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức các cuộc họp đột xuất nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, tích cực trong các kỳ họp, góp phần đảm bảo chất lượng và hiệu quả thảo luận, quyết nghị.
- Nội dung các cuộc họp được ghi chép đầy đủ vào Sổ nghị quyết của Công ty, các vấn đề quan trọng đều được cụ thể hóa bằng Nghị quyết của HĐQT và công bố thông tin minh bạch tới nhà đầu tư theo quy định hiện hành.
- Thành viên HĐQT độc lập đã phát huy vai trò giám sát, phản biện hiệu quả đối với các quyết sách của HĐQT, góp phần bảo đảm hoạt động của HĐQT tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong suốt 5 năm nhiệm kỳ, HĐQT đã duy trì tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, bảo đảm bộ máy điều hành vận hành theo đúng mục tiêu chiến lược đề ra. Đồng thời, không ngừng rà soát, hoàn thiện và cập nhật hệ thống quản trị phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn.

c/ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Mức chi trả thù lao cho 07 thành viên Hội đồng quản trị và 03 thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và mức chi hàng năm như sau :

Đơn vị: 1.000đ

Diễn giải	2020	2021	2022	2023	2024	Cộng
Được chi	569.765	822.138	1.741.514	1.198.444	933.202	5.265.064
Thực chi	285.000	786.000	1.008.000	926.500	752.000	3.757.500
Tỷ lệ chi	50,02%	95,60%	57,88%	77,31%	80,58%	71,37%

Tổng cộng trong 5 năm (2020 – 2024), tổng số chi thù lao HĐQT và BKS đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: 5.265.064.000 đ , nhưng thực tế số tiền chi cho các thành viên HĐQT và BKS : 3.757.500.000 đ bằng 71,37% số tiền được phép chi.

II - Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VII (2025 - 2030)

1. Về sản xuất kinh doanh

a/ Mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ:

Phấn đấu đạt hiệu quả kinh doanh bền vững, bảo đảm lợi nhuận, tăng trưởng vốn chủ sở hữu và duy trì việc làm, đời sống ổn định cho người lao động. Đồng thời bảo vệ quyền lợi cổ đông với mục tiêu tăng trưởng hằng năm từ 10% đến 15%.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Công ty sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và phát triển ổn định, lâu dài. Trong đó, tập trung vào một số định hướng chính sau:

- Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ sĩ quan thuyền viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt nhu cầu thuê thuyền viên ngày càng gia tăng từ các chủ tàu trong và ngoài nước. Phấn đấu đưa Công ty trở thành một trong những đơn vị cung ứng thuyền viên uy tín của Việt Nam, giữ vững và phát triển thương hiệu Inlaco - HP và IMSCO – thương hiệu Công ty con của Inlaco - HP.
- Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ Inlaco-HP và các công ty con, mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng như: xuất khẩu lao động, dịch vụ hàng hải, kinh doanh thương mại và bất động sản.

b/ Thuận lợi và khó khăn:

- *Thuận lợi:*
 - Không chịu áp lực lớn về chi phí tài chính và biến động tỷ giá; dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được cải thiện và duy trì ổn định.
 - Các thị trường truyền thống về cung ứng thuyền viên trong nước và quốc tế tiếp tục ổn định, là cơ sở để Công ty mở rộng hợp tác và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- *Khó khăn:*
 - Lực lượng sỹ quan thuyền viên – lực lượng nòng cốt của Công ty – vẫn thiếu hụt lao động chất lượng cao, tâm huyết với nghề.
 - Lực lượng sỹ quan thuyền viên, nguồn nhân lực chủ yếu của công ty vẫn còn thiếu lao động có chất lượng cao, tâm huyết với nghề, đặc biệt trong điều kiện hiện nay các chức danh cấp thấp (rating) rất thiếu.

c/ Giải pháp thực hiện:

Nhằm tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông, ổn định hoạt động và hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, Hội đồng quản trị cùng Ban lãnh đạo Công ty cố gắng và phấn đấu điều hành hoạt động của công ty một cách có hiệu quả nhất, trong đó tập trung vào một số giải pháp sau :

- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các đối tác truyền thống; tăng cường khai thác thị trường, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hạn chế rủi ro, tổn thất và suy giảm hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi phí hoạt động của bộ máy văn phòng và chi nhánh Công ty.
- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đào tạo và kiện toàn đội ngũ sĩ quan thuyền viên nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ thị trường.
- Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các quy chế quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực áp dụng cho công ty niêm yết, đảm bảo quản lý minh bạch và hiệu quả.
- Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Hệ thống quản lý an toàn – chất lượng đang được áp dụng tại Công ty.
- Thực hiện tốt công tác “Quan hệ cổ đông” nhằm truyền tải kịp thời, chính xác các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và các thông tin khác có liên quan đến cổ đông và nhà đầu tư.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là sĩ quan thuyền viên có trình độ, có kinh nghiệm đã đi làm việc trên các tàu của nước ngoài.
- Thực hiện việc trả lương và thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả kinh doanh theo cơ chế thị trường, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc và nâng cao năng suất lao động.

2. Về quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có thẩm quyền thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu hoạt động và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát thường xuyên đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm đảm bảo Công ty hoạt động đúng định hướng, hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật.

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu chiến lược trong nhiệm kỳ tới, Hội đồng quản trị khóa VII (2025 – 2030) cần tiến hành đổi mới trong cơ cấu tổ chức và phương thức quản trị, vận hành, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và năng lực giám sát.

- **Về cơ cấu:** Giữ tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh điều hành trong Công ty, nhằm bảo đảm nguyên tắc tách bạch giữa chức năng quản trị và chức năng điều hành, qua đó nâng cao tính khách quan và độc lập trong công tác giám sát.
- **Về công tác quản trị:** Tiếp tục áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại, minh bạch và rõ ràng. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị cần phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm cá nhân trong công tác hoạch định chiến lược, giám sát và đưa ra các quyết sách phù hợp, đặc biệt là các thành viên không giữ chức vụ điều hành cần thực hiện tốt vai trò độc lập, phản biện trong quá trình ra quyết định.

Kính thưa Đại hội!

Hội đồng quản trị xin được bày tỏ sự cảm ơn đến Ban lãnh đạo, tập thể cán bộ nhân viên, sĩ quan thuyền viên trong công ty đã nỗ lực làm việc trong những năm qua. Đồng thời, xin bày tỏ sự tri ân sâu sắc tới các cơ quan quản lý nhà nước, đối tác, khách hàng và đặc biệt là Quý cổ đông đã tin tưởng, đồng hành và chia sẻ cùng Công ty trong quá trình phát triển.

Bước vào nhiệm kỳ VII với nhiều thách thức và cơ hội, chúng tôi, những thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI mong muốn và tin tưởng rằng Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ VII sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2025- 2030, tăng cường hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đồng thời đồng hành, hỗ trợ Ban điều hành trong triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh một cách an toàn, hiệu quả, nhằm gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông và phát triển Công ty một cách bền vững. Chúng tôi cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ quý báu từ Quý cổ đông trong thời gian tới.

Cuối cùng, tập thể Hội đồng quản trị công ty khóa VI, xin được gửi đến toàn thể Quý vị Đại biểu, Quý vị Cổ đông lời chúc sức khỏe và hạnh phúc và thành công.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : BC/DHĐCD

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

DỰ THẢO



BÁO CÁO

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 & KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

1. Đặc điểm tình hình chung

Năm 2024 chứng kiến sự phục hồi từng bước của kinh tế toàn cầu sau thời kỳ biến động do dịch bệnh và căng thẳng địa chính trị kéo dài. Nhiều nền kinh tế lớn kiểm soát được lạm phát, song các yếu tố như xung đột tại các điểm nóng, biến động giá cả hàng hóa và chính sách tiền tệ thắt chặt tiếp tục ảnh hưởng đến thương mại và vận tải biển.

Tại Việt Nam, kinh tế vững đà tăng trưởng với GDP đạt 7,09%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức cao nhất từ trước đến nay với 786,29 tỷ USD. Tình hình thương mại khởi sắc, các lĩnh vực như xuất khẩu lao động, logistics, thương mại vật tư ngành xây dựng được hưởng lợi từ các chính sách phục hồi và đẩy mạnh đầu tư công.

Giá cước vận tải biển trong năm 2024 giảm do dư thừa năng lực vận tải và nhu cầu hàng hóa toàn cầu chưa phục hồi mạnh. Điều này tạo áp lực lên doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp vận tải biển. Hoạt động xuất khẩu thuyền viên tiếp tục phải đối mặt với sức ép cạnh tranh lớn từ các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương như Philippines, Trung Quốc, Myanmar. Các quốc gia này có lợi thế về quy mô nguồn lực, hệ thống đào tạo gắn với thị trường thực tiễn và mạng lưới đối tác quốc tế



bền vững. Trong khi đó, nguồn cung thuyền viên Việt Nam vẫn còn gặp khó khăn do nhiều lao động chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp và khả năng thích nghi môi trường quốc tế. Sau đại dịch, tâm lý thuyền viên cũng có nhiều biến đổi, xu hướng chuyển dịch nghề nghiệp sang các ngành có điều kiện làm việc an toàn và ổn định hơn khiến một bộ phận thuyền viên không còn mặn mà với nghề. Nhiều người e ngại các rủi ro về sức khỏe, áp lực xa gia đình lâu ngày, trong khi thu nhập sinh viên vừa ra trường không còn chênh lệch đáng kể so với làm việc trong nước. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tuyển dụng, duy trì và phát triển đội ngũ thuyền viên chất lượng cao trong dài hạn.

Trước bối cảnh đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng hải, đặc biệt là xuất khẩu thuyền viên, cần nhanh chóng điều chỉnh chiến lược phát triển, đầu tư có chiều sâu vào công tác đào tạo, tăng cường chăm lo đời sống và hỗ trợ tâm lý người lao động, đồng thời mở rộng thị trường hợp tác, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của thuyền viên Việt Nam.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm trước
Doanh thu SXKD	33,000,000,000	36,141,722,674	99,007,354,671	109.52%	36.50%
- Dịch vụ hàng hải			1,375,820,880		-
- Cho thuê lao động	32,600,000,000	35,315,948,131	77,477,996,407	108.33%	45.58%
- Cho thuê VP + tài sản	400,000,000	825,774,543	1,037,617,064	206.44%	79.58%
- Hoạt động thương mại			19,115,920,320		-
Lợi nhuận trước thuế	8,200,000,000	8,782,212,865	667,900,881	107.10%	1314.90%
Chi phí thuế TNDN	1,640,000,000	1,792,916,983	177,032,257	109.32%	1012.76%
Lợi nhuận sau thuế	6,560,000,000	6,989,295,882	490,868,624	106.54%	1423.86%

Tổng doanh thu Inlaco-HP năm 2024: 36.141.722.674 đồng đạt 109,52% kế hoạch năm, trong đó doanh thu cho thuê lao động: 35.315.948.131 đồng, doanh thu cho thuê văn phòng và phương tiện vận tải: 825.774.543 đồng. Lợi nhuận trước thuế: 8.782.212.865



đồng, đạt 107,01% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế: 6.989.295.882 đồng, đạt 106,54% kế hoạch năm.

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo hợp nhất năm 2024

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm trước
Doanh thu SXKD	152,600,000,000	143,569,588,748	184,376,018,555	94.08%	77.87%
- Vận tải và DVHH	4,000,000,000	662,592,000	5,581,420,880	16.56%	11.87%
- Cho thuê lao động	133,600,000,000	138,426,469,654	158,854,815,052	103.61%	87.14%
- Cho thuê văn phòng			690,680,103		
- HĐ thương mại	15,000,000,000	4,480,527,094	19,249,102,520	29.87%	23.28%
Lợi nhuận trước thuế	11,200,000,000	12,124,543,522	2,676,446,677	108.25%	453.01%
Chi phí thuế TNDN	2,240,000,000	2,481,433,104	2,159,329,703	110.78%	114.92%
LN Sau thuế	8,960,000,000	9,643,110,418	517,116,974	107.62%	1864.78%

Tổng doanh thu theo báo cáo hợp nhất năm 2024: 143.569.588.748 đồng, trong đó doanh thu vận tải và dịch vụ hàng hải: 662.592.000 đồng, doanh thu cho thuê lao động: 138.426.469.654 đồng, doanh thu hoạt động thương mại: 4.480.527.094 đồng. Lợi nhuận trước thuế: 12.124.543.522 đồng, Lợi nhuận sau thuế: 9.643.110.418 đồng.

2.3. Các chỉ tiêu khác:

- Số lao động tại ngày 31/12/2024: 246 người, đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động;
- Đơn giá tiền lương năm 2024: 5.81% tổng doanh thu;
- Nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

3. Đánh giá kết quả thực hiện

3.1. Về hoạt động kinh doanh

Dịch vụ vận tải và hàng hải:

Trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ hàng hải, một số chủ tàu đã chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng tự cung ứng và tự quản lý đội tàu. Bên cạnh đó, đối tác vận tải



chính của Công ty cũng điều chỉnh cơ cấu hàng hóa giữa thị trường nội địa và xuất khẩu, khiến khối lượng vận chuyển dành cho Công ty bị thu hẹp. Do những nguyên nhân này, doanh thu từ vận tải và dịch vụ hàng hải của Công ty không đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

Cho thuê thuyền viên:

Năm 2024, Công ty tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền viên. Đơn vị đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, từ việc tổ chức các lớp tiếng Anh nội bộ đến cử thuyền viên tham gia chương trình đào tạo VSUP, các chương trình đào tạo chuyên sâu theo yêu cầu của chủ tàu ở nước ngoài (Philippines, Nhật Bản) cũng như tại các cơ sở đào tạo trong nước (trường Đại học hàng hải). Đồng thời, mô hình đào tạo trước khi thuyền viên nhập tàu được từng bước hoàn thiện; giáo trình huấn luyện được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn chủ tàu yêu cầu, thường xuyên cập nhật nội dung và bổ sung tư liệu trực quan sinh động.

Song song với công tác đào tạo, Công ty áp dụng các chính sách tuyển dụng linh hoạt nhằm khắc phục khó khăn về nguồn thuyền viên đầu vào, bao gồm liên kết với các trường đào tạo hàng hải để thu hút ứng viên chất lượng từ thị trường lao động. Tuy nhiên, thị trường cho thuê thuyền viên trong nước vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, khi một số chủ tàu nội địa chuyển sang tự tuyển dụng và quản lý thuyền viên, đồng thời các chủ tàu lớn nâng cao tiêu chuẩn tuyển chọn nhân sự. Mặc dù Công ty đã nỗ lực tăng số lượng thuyền viên cung ứng cho khách hàng trong nước nhưng kết quả vẫn chưa đạt kỳ vọng, khiến doanh thu và lợi nhuận từ mảng này trong năm 2024 giảm so với các năm trước. Trong khi đó, thị trường cung ứng thuyền viên cho các đối tác nước ngoài duy trì ổn định trong năm 2024. Công ty tiếp tục giữ vững uy tín với các đối tác quốc tế, tạo tiền đề để tăng dần số lượng thuyền viên cung ứng trong tương lai.

Hoạt động thương mại:

Năm 2024, Công ty ký hợp đồng trở thành đơn vị phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong. Đến nay, Công ty đã triển khai hoạt động bán hàng và phân phối các sản phẩm này tới một số dự án trên địa bàn.

Hoạt động khác:



Thực hiện chủ trương của thành phố về Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận tại phường Máy Tơ, Công ty đã bàn giao trụ sở tại số 4 đường Nguyễn Trãi cho UBND quận Ngô Quyền (theo Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 về thu hồi đất giai đoạn 2 của dự án). Ngày 20/02/2024, Công ty đã nhận khoản đền bù từ Nhà nước với số tiền 6.831.069.053 đồng.

3.2. Công tác quản lý

Trong năm 2024, Công ty đã nghiêm túc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động, đồng thời triển khai kịp thời các chủ trương, định hướng do Hội đồng quản trị đề ra. Bộ máy nhân sự được duy trì ổn định, linh hoạt, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc và mục tiêu chiến lược. Tất cả người lao động ký hợp đồng chính thức đều được bố trí đúng chuyên môn, năng lực, tạo điều kiện phát huy tối đa hiệu quả cá nhân.

Công ty đặc biệt khuyến khích cán bộ, nhân viên chủ động học tập nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tiếng Anh, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm thích nghi với yêu cầu ngày càng cao từ thị trường lao động quốc tế. Các chính sách liên quan đến người lao động được thực hiện nghiêm chỉnh, minh bạch và đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật, không phát sinh đơn thư khiếu nại.

3.3. Công tác công đoàn và phong trào công ty

Công ty luôn tích cực hưởng ứng các phong trào do ngành và địa phương phát động, đồng thời phát huy vai trò kết nối nội bộ thông qua hoạt động công đoàn. Trong năm, Công đoàn đã tổ chức nhiều chương trình giao lưu hiệu quả giữa khối văn phòng và khối thuyền viên, nổi bật là câu lạc bộ bóng đá hoạt động định kỳ, góp phần tạo dựng môi trường làm việc gắn kết và năng động.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì kênh giao tiếp mở, khuyến khích thuyền viên đang làm việc trên tàu chủ động chia sẻ khó khăn, đóng góp ý kiến. Mọi phản hồi đều được tiếp nhận và xử lý kịp thời, thể hiện tinh thần đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau giữa văn phòng và thuyền viên. Công tác chăm lo đời sống người lao động tiếp tục được chú trọng, với nhiều hình thức hỗ trợ thiết thực. Các cá nhân có thành tích nổi bật, đóng góp tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều được ghi nhận, biểu dương kịp thời.



Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025:

Năm 2025 tiếp tục là năm Công ty phải đối mặt với rất nhiều thách thức và khó khăn. Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào mục tiêu duy trì ổn định hoạt động cho thuê thuyền viên, tăng dần số lượng thuyền viên làm thuê trong và ngoài nước, đồng thời gia tăng hoạt động thương mại và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Dựa vào tình hình trên, Công ty đưa ra kế hoạch cho báo cáo hợp nhất của Công ty và báo cáo riêng của Inlaco-HP như sau:

1. Tổng doanh thu: 151.200.000.000 đ

Dịch vụ hàng hải: 1.500.000.000 đ

Cho thuê lao động: 140.200.000.000 đ

Hoạt động thương mại: 9.500.000.000 đ

Trong đó:

Doanh thu riêng của Inlaco-HP: 33.500.000.000 đ

2. Tổng lợi nhuận:

Kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 7.500.000.000 đ

Kế hoạch lợi nhuận riêng của Inlaco-HP: 2.100.000.000 đ

3. Đơn giá tiền lương:

6% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất)

Trong đó:

5,35% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất) cho bộ phận quản lý và thưởng quỹ lương cuối năm cho toàn bộ CBCNV (không bao gồm tiền lương thuyền viên làm thuê).

0,65% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

II. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2025

Công ty tập trung vào các giải pháp trong công tác điều hành như sau:

1. Giải pháp về phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh:



Dịch vụ hàng hải:

Công ty tiếp tục chủ động tìm kiếm và mở rộng mạng lưới đối tác trong lĩnh vực cho thuê và quản lý tàu, đặc biệt hướng đến các khách hàng có nhu cầu kết hợp đồng thời giữa dịch vụ khai thác tàu và cung ứng thuyền viên. Trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn đã tích lũy, Công ty định hướng tập trung dịch vụ quản lý tàu, xây dựng mô hình quản lý hiệu quả. Đồng thời, Công ty sẵn sàng cung cấp các dịch vụ có liên quan như tiếp nhận và bàn giao tàu theo yêu cầu của chủ tàu, bảo đảm thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, chất lượng và tiến độ.

Cho thuê thuyền viên:

Đối với hoạt động cho thuê thuyền viên, Công ty xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền viên để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao từ các chủ tàu trong và ngoài nước. Công tác tuyển dụng được đẩy mạnh, ưu tiên lựa chọn các thuyền viên có tay nghề vững, có trình độ chuyên môn và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Song song với công tác tuyển dụng, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, chú trọng chuẩn hóa hệ thống giáo trình và nội dung đào tạo theo đúng yêu cầu từ phía các chủ tàu và phù hợp với các công ước hàng hải quốc tế như STCW, MLC. Chương trình huấn luyện bao gồm nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành và tăng cường nghiệp vụ, kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế nhằm từng bước nâng cao năng lực chuyên môn và tác phong chuyên nghiệp của đội ngũ thuyền viên.

Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với các chủ tàu hiện có, đồng thời tìm kiếm thêm các đối tác mới, hướng đến mục tiêu tăng dần số lượng thuyền viên và thuyền bộ được cung ứng. Công tác xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu thuyền viên được chú trọng, cập nhật thường xuyên để đảm bảo có thể nhanh chóng đáp ứng nhu cầu điều động theo kế hoạch của các đối tác. Việc nâng cao chất lượng đào tạo, kết hợp phong cách làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực là nền tảng giúp Công ty gia tăng thị phần



trong nước, khẳng định uy tín và năng lực cạnh tranh trên thị trường thuyền viên quốc tế.

Hoạt động thương mại:

Tiếp tục phát huy vai trò là đại lý phân phối chính thức của Công ty Cổ phần Nhựa Tiền Phong, Công ty tập trung mở rộng hệ thống khách hàng và đẩy mạnh hợp tác với các dự án xây dựng hạ tầng tại địa phương. Xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, kết hợp đẩy mạnh hoạt động truyền thông thương hiệu nhằm ổn định và gia tăng doanh thu thương mại, đóng góp nguồn tài chính ổn định cho hoạt động chung.

Bên cạnh lĩnh vực truyền thống, Công ty định hướng tham gia đấu thầu thi công các hạng mục xây lắp tại các dự án bất động sản công nghiệp và dân dụng phù hợp với khả năng. Đồng thời, không ngừng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm và dịch vụ thương mại mới phù hợp với xu hướng thị trường và năng lực tài chính của Công ty, qua đó đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Hoạt động đầu tư:

Công ty định hướng tiếp cận các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực bất động sản, đặc biệt ưu tiên các dự án có tiềm năng sinh lời, tính thanh khoản cao và phù hợp với nguồn lực tài chính hiện có. Các phương án đầu tư sẽ được xem xét kỹ lưỡng, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và khả năng phát triển trong tương lai.

2. Công tác quản lý:

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị và năng lực điều hành. Nâng cao chất lượng nguồn nhân sự thông qua chính sách thu hút người lao động có năng lực và tạo điều kiện làm việc tốt, thu nhập cạnh tranh. Tăng cường các giải pháp đảm bảo quyền lợi và phúc lợi người lao động phù hợp với điều kiện thực tế và mặt bằng thị trường.

Xây dựng môi trường làm việc tích cực, gắn kết bằng việc tổ chức định kỳ các hoạt động văn hóa – thể thao – đoàn thể. Thiết lập cơ chế trả lương, thưởng dựa trên năng lực, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng cán bộ nhân viên, đảm bảo tính minh bạch và khuyến khích phát triển cá nhân.



Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn trong việc tuyên truyền nội bộ, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động. Qua đó, nâng cao ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên đối với Công ty.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên văn phòng với nhiều hình thức linh hoạt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, từng bước chuyển đổi số trong các quy trình nghiệp vụ nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu suất lao động.

Đẩy mạnh công tác truyền thông doanh nghiệp, nâng cao hình ảnh và độ nhận diện thương hiệu thông qua việc cải tiến nội dung, giao diện website và sử dụng các kênh truyền thông trực tuyến hiện đại.

Nhân dịp này, Công ty Cổ phần Hợp tác Lao động với Nước ngoài xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước, các trường đào tạo, các trung tâm cùng các đối tác và bạn hàng trong nước và quốc tế, cũng như sự đồng hành, tin tưởng của quý cổ đông đã góp phần quan trọng vào sự phát triển ổn định của Công ty trong thời gian qua và những chặng đường phía trước.

Kính chúc quý vị đại biểu, các nhà đầu tư cùng gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng và thành công trong mọi lĩnh vực. Chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thành công tốt đẹp!
Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty

HOÀNG LINH SƠN



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /BC-BKS

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

DỰ THẢO



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2020-2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm từ 2020 đến 2024;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán các năm 2020-2024 của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA; tình hình hoạt động, báo cáo và hồ sơ của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài trong năm tài chính 2020-2024.

Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội cổ đông về tổng kết hoạt động nhiệm kỳ VI (2020-2025) cụ thể như sau :

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự Ban kiểm soát :

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 18/06/2020 đã thống nhất bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 3 thành viên sau :

- Bà Lương Thu Hoài - Trưởng ban (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 23/10/2020)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/10/2020)
- Bà Nguyễn Thị Thư - Thành viên (từ ngày 18/06/2020 đến ngày 23/10/2020)
Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 24/10/2020)
- Ông Lê Vũ Cường - Thành viên

Các thành viên Ban kiểm soát đều hoạt động không chuyên trách và được hưởng thù lao trong mức quy định đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm phê duyệt.



2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ :

- Trong suốt nhiệm kỳ vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty: theo dõi kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát định kỳ hàng quý, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên nghiên cứu các tài liệu, kiểm tra từng vấn đề cụ thể, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với tinh thần khách quan, dân chủ vì mục tiêu phát triển của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ cần trọng, nhất quán, phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thực hiện xem xét báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

PHẦN II

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Đánh giá của Ban Kiểm soát về kết quả thẩm định báo cáo tài chính 2020 - 2024

- Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã quyết liệt triển khai các chiến lược kinh doanh để Công ty có thể phát triển và tạo ra lợi nhuận một cách tốt nhất có thể. Các giải pháp đã và đang thực hiện là: Công ty thực hiện quản lý chặt chẽ chi phí chung, cắt giảm các mảng dịch vụ kinh doanh không hiệu quả, tập trung vào các mảng dịch vụ chính đem lại lợi ích kinh tế cao là dịch vụ cho thuê thuyền viên, cho thuê văn phòng, kinh doanh thương mại.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 của Công ty với số lỗ lũy kế là **54.002.346.171** đồng, (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là lỗ lũy kế là **102.328.630.206** đồng). Như vậy, sau 5 năm hoạt động của nhiệm kỳ VI số lỗ của công ty đã giảm **48.326.284.035** đồng.
- Với sự chỉ đạo sát sao, đúng đắn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, cùng với đó là sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực khắc phục khó khăn của toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty, kết thúc nhiệm kỳ VI, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau :



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Theo báo cáo tài chính Công ty mẹ :

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
		1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng	113.953.079	164.427.682	217.689.229	99.007.354	36.141.722
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.697.899	11.850.453	18.860.962	669.669	1.944.120
3	Lợi nhuận khác	4.539.599	973.720	4.655	(1.768)	6.838.092
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.237.499	12.824.174	18.865.618	667.900	8.782.212
5	Vốn chủ sở hữu	14.396.251	27.139.253	46.004.871	46.495.740	53.485.036

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất :

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
		1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng	134.119.479	183.422.218	231.361.292	184.376.018	143.569.588
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.815.947	12.007.980	19.149.767	10.880.491	5.291.912
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.355.547	12.980.677	18.977.792	2.676.446	12.124.543
4	Thuế TNDN	31.758	103.701	19.027	2.159.328	2.481.432
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	9.323.788	12.876.975	18.958.764	517.116	9.643.110
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.305.930	12.849.249	18.943.068	2.058.843	9.593.503
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,53	2,11	3,12	0,34	1,58
8	Vốn chủ sở hữu	19.054.504	31.931.480	50.890.244	51.508.120	58.002.740

- Trong nhiệm kỳ 2020 - 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác thẩm định định kỳ đối với báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm của Công ty. Các báo cáo tài chính hàng năm đều được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA, đơn vị nằm trong danh sách được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.

- Qua quá trình xem xét, Ban Kiểm soát nhận thấy công tác lập và trình bày báo cáo tài chính trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2024 được thực hiện trên cơ sở lựa chọn chính sách kế toán phù hợp, áp dụng nhất quán theo đúng quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời việc đánh giá, ước tính được thực hiện hợp lý, tuân thủ các nguyên tắc và quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.



- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất các năm đều được kiểm toán và có ý kiến chấp nhận toàn phần. Theo đó, các báo cáo này được đánh giá là phản ánh trung thực và hợp lý, trên tất cả các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng tiền của Công ty. Thông tin tài chính cũng được công bố đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT - Ban điều hành Công ty

- Qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị - Ban điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công việc, thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành của mình, rất nỗ lực và chủ động khắc phục những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được đề ra. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ các quy định của Pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp định kỳ hàng quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, rất trăn trở tìm hướng đi cho doanh nghiệp, tập trung vào định hướng sản xuất kinh doanh bền vững tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.
- Ban điều hành đã tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, thường xuyên đôn đốc, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được đề ra một cách hiệu quả nhất. Ban điều hành đã đưa ra các quyết định điều hành kịp thời nhằm đạt được kết quả tốt nhất, phối hợp với tổ chức đoàn thể để nâng cao hiệu quả điều hành, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và quyền lợi của người lao động.
- Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị - Ban điều hành Công ty đã ban hành các quyết định đúng đắn, bám sát với tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính dân chủ và thống nhất cao. Việc triển khai, thực hiện các quyết định, quy định, quy chế của Hội đồng quản trị - Ban điều hành Công ty đều nghiêm túc và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.
- Trong 5 năm của nhiệm kỳ VI vừa qua, các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thể hiện sự nỗ lực, linh hoạt trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, phát huy được trí tuệ, tinh thần của người lãnh đạo. Lợi nhuận sau thuế liên tục được tăng trưởng qua các năm. Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đã lãnh đạo, quản lý Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 :

3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024 :



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Đơn vị tính : 1.000đ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm 2023
Doanh thu từ HĐSXKD	33.000.000	36.141.722	99.007.354	109,52%	36,50%
- Cho thuê lao động	32.600.000	35.391.722	77.477.996	108,56%	45,68%
- Cho thuê văn phòng	400.000	750.000	1.037.614	187,50%	72,28%
- Cho thuê tài sản		75.774			
- Vận tải + DVHH			1.375.820		
- Hoạt động thương mại			19.115.920		
Lãi (Lỗ)	8.200.000	8.782.212	667.900	107,10%	1314,90%
Chi phí thuế TNDN	1.640.000	1.792.916	177.032	109,32%	1012,76%
Lợi nhuận sau thuế	6.560.000	6.989.296	490.868	106,54%	1423,86%

Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2024: 36.141.722.674 đ đạt 109,52% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế: 8.782.212.865 đ, đạt 107,01% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế: 6.989.295.882 đ, đạt 106,54% kế hoạch năm.

3.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo hợp nhất năm 2024:

Đơn vị tính : 1.000đ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm 2023
Doanh thu từ HĐSXKD	152.600.000	143.569.588	184.376.018	94,08%	77,87%
- Vận tải + DVHH	4.000.000	662.592	5.581.420	16,56%	11,87%
- Cho thuê lao động	133.600.000	138.426.469	158.854.815	103,61%	87,14%
- Cho thuê văn phòng			690.680		
- Hoạt động thương mại	15.000.000	4.480.527	19.249.102	29,87%	23,28%
Lợi nhuận trước thuế	11.200.000	12.124.543	2.676.446	108,25%	453,01%
Chi phí thuế TNDN	2.240.000	2.481.433	2.159.329	110,78%	114,92%
Lợi nhuận sau thuế	8.960.000	9.643.110	517.116	107,62%	1864,78%



Tổng doanh thu theo báo cáo hợp nhất năm 2024: 143.569.588.748 đ đạt 94,08% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế: 12.124.543.522 đ, đạt 108,25% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế: 9.643.110.418 đ, đạt 107,62% kế hoạch năm.

PHẦN III
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ VII (2025-2030)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, định hướng trong nhiệm kỳ VII (2025-2030), Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ cần trọng, nhất quán của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, xem xét báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.
- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập có năng lực, kinh nghiệm, uy tín và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tăng cường làm việc trực tiếp với các Phòng ban và Công ty con để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản lý điều hành.
- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác giám sát từ xa.

Kính thưa Quý cổ đông, nhiệm kỳ qua Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ được giao là nhờ sự tin nhiệm của các cổ đông, sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Phòng ban trong Công ty.

Kết thúc nhiệm kỳ, Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tin tưởng giao trách nhiệm cho chúng tôi trong suốt 5 năm qua. Xin cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Phòng ban trong Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ VI (2020-2025) kính trình Đại hội.

Kính chúc Quý cổ đông và gia đình sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn !

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên
- Hội đồng quản trị
- Ban điều hành Công ty
- Ban kiểm soát
- Lưu HC

NGUYỄN THỊ THU'



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : TTr/ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA, bao gồm các nội dung sau :

- Báo cáo kiểm toán độc lập: Đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 như sau:

Đơn vị : 1.000đ

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Báo cáo Tài chính hợp nhất		Báo cáo Tài chính riêng	
I	Bản cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tổng tài sản	90.240.190	79.322.480	71.077.120	64.283.377
1.1	Tài sản ngắn hạn	86.416.583	78.144.255	52.545.335	46.517.070
1.2	Tài sản dài hạn	3.823.607	1.178.225	18.531.785	17.766.307
2	Tổng nguồn vốn	90.240.190	79.322.480	71.077.120	64.283.377
2.1	Nợ phải trả	32.237.449	27.814.360	17.592.083	17.787.637
2.2	Vốn chủ sở hữu	58.002.741	51.508.120	53.485.036	46.495.740



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

II	Báo cáo Kết quả KD	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng doanh thu	143.569.589	184.376.018	36.141.723	99.007.355
2	Lợi nhuận sau thuế	9.643.110	517.117	6.989.296	490.869

Nội dung chi tiết theo Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA được công bố trên Website : <https://inlaco hp.com.vn/>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /TTr-BKS

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025



TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

• Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA.

Chi tiết về Công ty Kiểm toán như sau :

- ❖ Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội;
- ❖ Tel : (024) 6664.2777 ; Fax : (0244) 6664.3777;
- ❖ Email : contact@icpa.vn

Công ty được thành lập năm 2001, là thành viên của AGN International, một hiệp hội toàn cầu gồm các doanh nghiệp tư vấn và kế toán độc lập, là Công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận cho thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán từ năm 2007 .

Thực hiện việc soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025 của công ty mẹ Inlaco-HP và các công ty con.

Giao ông Giám đốc công ty triển khai thực hiện việc kiểm toán thống nhất trong công ty và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn, sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT
- Lưu HC, BKS

NGUYỄN THỊ THU'



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

Hà Nội, ngày tháng năm 2025



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty như sau:

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Theo quy định tại Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Hội đồng quản trị có trách nhiệm: “Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo

Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau.

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ:

<https://inlacohp.com.vn/en/blog/quan-he-co-dong-2>

Các quy định của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình số _____, ngày _____ tháng _____ năm 2025)

Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. <u>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, Bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty, các chi nhánh, Công ty thành viên của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan.</u>	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. <u>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Sửa đổi theo phụ lục III thông tư 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của	Sửa đổi phù

thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty . 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau: a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty; b) Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ , quyền hạn của HĐQT theo quy định, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình; c) Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian thoả đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp	thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty . . 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau: a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty; b) Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ , quyền hạn của HĐQT theo quy định, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình; c) Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian thoả đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp	hợp với thực tế Doanh nghiệp
--	--	-------------------------------------

gần nhất. <u>d) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông. HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi yêu cầu.</u> e) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; f) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; g) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật. 3. Khi công ty trở thành công ty niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	gần nhất. d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; f) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật. 3. Khi công ty trở thành công ty niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có (07) thành viên, trong đó có một (01) Chủ tịch và một (01) Phó chủ tịch. 2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có (05) thành viên, trong đó có một (01) Chủ tịch và một (01) Phó chủ tịch. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu	Sửa đổi phù hợp với thực tế Doanh nghiệp

thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, <u>trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</u> <u>4. Trường hợp Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, số lượng, quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</u> <u>Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với các quy định tại pháp luật và Điều lệ Công ty.</u>	làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; <u>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty</u>	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty <u>c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được</u>	Sửa đổi theo quy định tại điều Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và điều kiện thực tế doanh nghiệp

<u>khác:</u> đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty. 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; <u>3. Trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu,</u> thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội	đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác; đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty. 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản	
---	---	--

đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	
Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. <u>2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh quản lý trong Ban điều hành của Công ty.</u> 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết,	Sửa đổi theo quy định tại điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và điều kiện thực tế doanh nghiệp

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT a) Thay mặt Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT và làm chủ tọa cuộc họp khi được Chủ tịch HĐQT phân công; b) Ký các thông báo, biên bản, nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT khi thực hiện thay công việc của Chủ tịch HĐQT hoặc theo phân công của HĐQT; c) Đầu mối phụ trách một số công việc cụ thể của HĐQT theo phân công của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về những việc được phân công; d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì các thành viên	quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT a) Thay mặt Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT và làm chủ tọa cuộc họp khi được Chủ tịch HĐQT phân công; b) Ký các thông báo, biên bản, nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT khi thực hiện thay công việc của Chủ tịch HĐQT hoặc theo phân công của HĐQT; c) Đầu mối phụ trách một số công việc cụ thể của HĐQT theo phân công của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về những việc được phân công; d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 5.. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì các thành viên còn lại bầu bầu một người trong số	
---	--	--

còn lại bầu bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. 6. Trường hợp Chủ tịch/Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. 7. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. 6. Trường hợp Chủ tịch/Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. 7. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	
<u>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</u> <u>1. Việc ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo</u>	<u>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở</u>	Sửa đổi theo quy định tại điều 5 Điều 115 Luật Doanh

<u>quy định tại Khoản 2 Điều 24, Điều lệ công ty.</u> <u>2. Hồ sơ ứng cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức Đại hội 15 ngày để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách bầu cử cũng như chuẩn bị trước công tác kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử tại đại hội.</u> <u>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</u> <u>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do</u>	hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng	Nghị 59/2020/QH14 và điều kiện thực tế doanh nghiệp
--	---	--

<u>Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.</u>	cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. .	
<u>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</u> 1. Trường hợp đã xác định được ứng	Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày	Sửa đổi theo quy định tại điều 274 Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 và đúng với nội

cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; <u>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế Ứng cử - đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.:</u> g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; <u>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</u> g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	dung của điều khoản
---	---	----------------------------

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.		
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 11. Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị công ty gồm (07) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu , trong đó có: Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên HĐQT, Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách. 3. Hội đồng quản trị cử ra Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp Hội đồng quản trị trong việc theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp Hội đồng quản trị, đồng thời để xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Giám đốc trong điều hành hoạt động của Công ty giữa hai kỳ họp HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT do Hội đồng quản trị quy định. 4. Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhận chức danh “Giám đốc Tài chính” công ty ,	Điều 11. Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị công ty gồm (05) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu , trong đó có: Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên HĐQT, Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách. 3. Hội đồng quản trị cử ra Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp Hội đồng quản trị trong việc theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp Hội đồng quản trị, đồng thời để xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Giám đốc trong điều hành hoạt động của Công ty giữa hai kỳ họp HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT do Hội đồng quản trị quy định. 4. Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhận chức danh “Giám đốc Tài chính” công ty ,	Sửa đổi phù hợp với thực tế Doanh nghiệp

các thành viên còn lại phụ trách một số lĩnh vực theo sự phân công của HĐQT, và phải báo cáo trước HĐQT về kết quả công việc đã được phân công. 5. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 6. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý hoạt động công ty. 7. Giúp việc cho HĐQT là Thư kí công ty. Chức năng, nhiệm vụ của Thư kí công ty được quy định tại Khoản 7, Điều 7 của Quy chế này.	các thành viên còn lại phụ trách một số lĩnh vực theo sự phân công của HĐQT, và phải báo cáo trước HĐQT về kết quả công việc đã được phân công. 5. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 6. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý hoạt động công ty. 7. Giúp việc cho HĐQT là Thư kí công ty. Chức năng, nhiệm vụ của Thư kí công ty được quy định tại Khoản 7, Điều 7 của Quy chế này.	
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán	Sửa đổi theo quy định tại điều khoản 2 Điều 167, điểm khoản 2 điều 153, Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14; Khoản 7 Điều 278, Điều 300 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi	trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những	
---	---	--

khác của những người đó; k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; q) <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành khi thấy cần thiết.</u> r) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại	người đó; k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua ; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; r) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị	
---	---	--

cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch <u>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan	Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc người quản lý khác và người có liên quan	Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14

của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các	Sửa đổi theo quy định tại khoản 6 điều 157 Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14

thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. <u>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc</u>	thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. <u>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc</u>	
---	--	--

<u>trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu cần).</u> Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>từ (05) thành viên</u> trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có <u>từ (04)</u> thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc	trước ngày họp Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	
---	---	--

hợp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa phiên họp.	a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa phiên họp. .	
<u>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</u> 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện	<u>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</u> 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện	Sửa đổi theo quy định tại điều 158 Luật Doanh nghiệp số

từ khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: <u>Biên bản cuộc họp được Thư ký công ty ghi trong “Sổ Nghị quyết HĐQT”, nội dung ghi :</u> <u>a) Thời gian, địa điểm họp;</u> <u>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</u> <u>c) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</u> <u>d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</u> <u>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</u> <u>f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</u> <u>g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u> <u>h) Chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và các thành viên tham gia dự họp</u> <u>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</u> <u>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung</u>	từ khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian, địa điểm họp; c) Mục đích, chương trình và nội dung họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên	03/2022/QH15
---	---	---------------------

<u>thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị có thể được sao lục, nội dung của Biên bản được sao lục, gồm có các nội dung được quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, và g khoản</u> <u>1 Điều này và thêm nội dung : tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và được Chủ tọa và Thư ký ký tên.</u> <u>5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u>	bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	
CHƯƠNG VI: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	CHƯƠNG VI: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	
Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.	Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.	Sửa đổi theo mẫu tại phụ lục III thông tư 116/2020/TT-BTC

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả	Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả	
---	---	--

các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 26. Hiệu lực thi hành <u>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, bao gồm (07) chương, (26) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2021.</u>	Điều 26. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, bao gồm (07) chương, (26) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng... năm	Sửa theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI



QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hải Phòng,

tháng

năm

2025



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành theo Nghị quyết ... ngày ... của Đại hội đồng cổ đông)

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	5
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.....	8
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	8
Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 11. Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	12
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	13
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Chức năng, nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng quản trị.....	15
Điều 20. Trình báo cáo hàng năm.....	16
Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan.....	16
Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	17
Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	17
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	19

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Căn cứ Nghị quyết số ... ngày ... của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài với các nội dung sau :



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị..

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật; chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.
3. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.
4. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý và kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 26 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của công ty.
5. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty .
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ , quyền hạn của HĐQT theo quy định, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;

c) Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian thoả đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất.

d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

f) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật..

3. Khi công ty trở thành công ty niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có (05) thành viên, trong đó có một (01) Chủ tịch và một (01) Phó chủ tịch..

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137

Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT

a) Thay mặt Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT và làm chủ tọa cuộc họp khi được Chủ tịch HĐQT phân công;

b) Ký các thông báo, biên bản, nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT khi thực hiện thay công việc của Chủ tịch HĐQT hoặc theo phân công của HĐQT;

c) Đầu mối phụ trách một số công việc cụ thể của HĐQT theo phân công của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về những việc được phân công;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay để thực hiện quyền và nghĩa vụ của

Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì các thành viên còn lại bầu bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

7. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty.

Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu, số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị

thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị công ty gồm (05) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu, trong đó có: Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên HĐQT, Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.

3. Hội đồng quản trị cử ra Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp Hội đồng quản trị trong việc theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp Hội đồng quản trị, đồng thời để xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Giám đốc trong điều hành hoạt động của Công ty giữa hai kỳ họp HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT do Hội đồng quản trị quy định.

4. Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhận chức danh “Giám đốc Tài chính” công ty, các thành viên còn lại phụ trách một số lĩnh vực theo sự phân công của HĐQT, và phải báo cáo trước HĐQT về kết quả công việc đã được phân công.

5. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý hoạt động công ty.

7. Giúp việc cho HĐQT là Thư ký công ty. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký công ty được quy định tại Khoản 7, Điều 7 của Quy chế này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật

Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc

giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của

Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp..

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa phiên họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và

không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng..

Chương V

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty cử ra Thường trực HĐQT.
2. Thường trực HĐQT công ty gồm : Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên HĐQT- Giám đốc Tài chính và các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm chức danh quản lý ở Công ty

Điều 19. Chức năng, nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp HĐQT trong việc theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp HĐQT, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty giữa hai kỳ họp HĐQT.
2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực hiện các quyết định của Thường trực HĐQT tại các cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Thường trực HĐQT được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác, có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực HĐQT ra quyết định.
4. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT quy định từng thời kỳ.

Chương VI

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích

liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm

vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, bao gồm (07) chương, (26) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng... năm

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số

Hà Nội, ngày tháng năm 2025



TỜ TRÌNH

/v: Thông qua việc Ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan về việc Ban kiểm soát xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát Công ty kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ: “Xây dựng Quy chế hoạt

động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban kiểm soát **nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật điều hành. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS như sau.**

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://inlacohp.com.vn/en/blog/quan-he-co-dong-2>

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VP.



PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Đính kèm Tờ trình số , ngày tháng năm 2025)

Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế sửa đổi” là phần **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
<u>Ban kiểm soát công ty ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài</u>	Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài	Diễn đạt lại câu chữ
Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	
Chưa có	3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2, Điều 168 Luật doanh nghiệp 2020
3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ	4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ	Cập nhật số thứ tự

cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty.	2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2, Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định: Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, Trưởng ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau : a) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát; b) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; c) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên ban kiểm soát theo quy chế của Ban kiểm soát; d) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung của ban kiểm soát; e) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi	3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định: Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, Trưởng ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau : a) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát; b) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; c) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên ban kiểm soát theo quy chế của Ban kiểm soát; d) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung của ban kiểm soát; e) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi	Sửa đổi nội dung phù hợp với quy định tại Khoản 11 điều 170 Luật doanh nghiệp 2020.

cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật; f) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; <u>g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;</u> h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.	cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật; f) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; <u>g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông;</u> h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.	
--	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hải Phòng, tháng... năm 2025



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
(Ban hành theo Nghị quyết số .. ngày ..
của Đại hội đồng cổ đông)

Hải Phòng, ngày .. tháng ... năm 2025



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 6. Trừng Ban kiểm soát.....	6
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Chương III: BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	10
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	11
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	11
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	11
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	12
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	12
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành	14
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	14
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	14



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài



**CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

PHẦN MỞ ĐẦU

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Căn cứ Nghị quyết số .. ngày ... của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm các nội dung sau:



Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu



quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty



Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định:
Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, Trưởng ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - b) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; c) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên ban kiểm soát theo quy chế của Ban kiểm soát;
 - d) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung của ban kiểm soát;
 - e) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật;
 - f) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao



gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115



Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.



Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.



Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm



của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.



Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm (07) chương], (22) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

TM BAN KIỂM SOÁT



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO
ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HƯỚNG DẪN

Đề cử, ứng cử, bầu cử

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025 – 2030)

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài xin thông báo đến các Quý cổ đông các quy định cụ thể về việc đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

I. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 - 2030:

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu (dự kiến): **05 thành viên**
- Nhiệm kỳ thành viên HĐQT: **5 năm**, từ 2025 đến 2030

2. Cơ cấu Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên BKS được bầu (dự kiến): **03 thành viên**
- Nhiệm kỳ thành viên BKS: **5 năm**, từ 2025 đến 2030

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2025 - 2030:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (Theo quy định tại điều 155 luật Doanh nghiệp):

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty khác.

2. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cụ thể:

- Từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên.
- Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên.
- Từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên.
- Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên.
- Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (Theo quy định tại điều 169 luật Doanh nghiệp):

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

4. Đề cử, ứng cử thành viên BKS

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử người vào Ban Kiểm soát. Cụ thể:

- Từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên.
- Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên.
- Từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên.
- Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên.
- Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật

5. HỒ SƠ THAM GIA ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ như quy định nêu trên khi ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị công ty cần gửi về công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các tài liệu sau:

- Đơn xin đề cử hoặc ứng cử tham gia vào HĐQT, BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Căn cước Công dân/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú
- Bản sao các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn

Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

6. THỜI HẠN VÀ ĐỊA CHỈ GỬI HỒ SƠ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ

Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty trân trọng đề nghị các cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/đề cử gửi bản gốc hồ sơ ứng cử, đề cử quy định tại Mục 5 nêu trên gửi về Công ty trước 17h00 ngày 21 tháng 04 năm 2025.

Thông tin nhận hồ sơ:

Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài

- Địa chỉ : Tầng 2 tòa nhà Piaggio số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0912200199
- Liên hệ: Ông Nguyễn Tuấn Đạt.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nộp bản gốc Tài liệu ứng cử, đề cử quy định tại Mục 5 nêu trên cho Công ty trước khi thông qua danh sách ứng cử/đề cử tại Đại hội, việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật doanh nghiệp 2020, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty, thì việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội

Dựa trên các Hồ sơ ứng cử, đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, HĐQT sẽ lập và thông qua danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu vào HĐQT, BKS. Trường hợp đến trước **08h ngày 05 tháng 05 năm 2025**, số lượng thành viên HĐQT, BKS ứng cử, đề cử thấp hơn số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu thì số ứng cử viên còn lại sẽ do HĐQT, BKS hoặc được tổ chức đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

III. NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) được thực hiện trên nguyên tắc: đảm bảo minh bạch, công bằng, dân chủ; đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

2. Mỗi cổ đông có quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông sở hữu hoặc đại diện sở hữu hợp pháp.

3. Việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện riêng biệt, theo từng phiếu bầu riêng cho mỗi cơ quan.

4. Tại mỗi cuộc bầu, mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền chỉ được phát 01 phiếu bầu, tương ứng với quyền biểu quyết của họ tại thời điểm lập danh sách cổ đông tham dự.

5. Tổ kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Thành viên Tổ kiểm phiếu không được là ứng viên hoặc có tên trong danh sách đề cử/ứng cử vào HĐQT hoặc BKS.

IV. PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

1. Hình thức bầu:

Áp dụng phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

“Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của mỗi cơ quan (HĐQT hoặc BKS). Cổ đông có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng viên.”

2. Cách thực hiện:

- Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự A–Z, in rõ họ tên đầy đủ trên phiếu bầu.

- Cổ đông có thể lựa chọn một trong hai cách ghi phiếu:

+ Cách 1: Dồn đều phiếu – đánh dấu vào ô 'Bầu dồn đều phiếu' đối với ứng viên được lựa chọn.

+ Cách 2: Phân bổ số phiếu – ghi rõ số lượng phiếu bầu cho từng ứng viên vào ô 'Số phiếu bầu'.

Lưu ý: Nếu vừa đánh dấu 'Bầu dồn đều' và ghi số phiếu cụ thể → kết quả được tính theo số phiếu cụ thể.

3. Phiếu bầu hợp lệ:

- Phiếu bầu đúng mẫu in sẵn, có dấu đỏ của Công ty.
- Không bị tẩy xóa, cạo sửa hoặc ghi thêm nội dung ngoài quy định.
- Số phiếu không vượt quá số phiếu được phân bổ.
- Có chữ ký và họ tên cổ đông.
- Bỏ vào đúng thùng phiếu theo quy định.

4. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không đúng mẫu hoặc không có dấu đỏ của Công ty.
- Bị tẩy xóa, ghi thêm nội dung ngoài quy định.

- Bầu quá số lượng thành viên cần bầu.
- Tổng số phiếu vượt số phiếu được cấp.
- Không có chữ ký, họ tên của cổ đông.
- Không bỏ đúng thùng phiếu quy định.

5. Kiểm phiếu và xử lý kết quả:

- Sau khi kết thúc bỏ phiếu, Tổ kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm, lập biên bản kiểm phiếu, có sự chứng kiến của cổ đông (nếu cần).
- Biên bản kiểm phiếu được công bố công khai tại Đại hội.
- Phiếu bầu được niêm phong và lưu trữ theo quy định nội bộ công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- *Các Cổ đông;*
- *Lưu VT.*



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: TTr/ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025



TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Nhiệm kỳ VII (2025 – 2030)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Nhiệm kỳ VI (2020-2025) của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty đã kết thúc. Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã gửi Hướng dẫn đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ VII (2025-2030) tới các cổ đông Công ty theo quy định.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty như sau:

I – CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VII (2025-2030): 05 thành viên
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030): 03 thành viên

II - ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông/Bà: Sinh năm:Trình độ chuyên môn:

- Chức vụ hiện tại tại Công ty:

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm tỷ lệ%

Trong đó : + Số cổ phần sở hữu..... cổ phần



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

+ Số cổ phần đại diện sở hữu.....cổ phần

2.

3.

4.

5.

6.

7.

III - ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông/Bà: Sinh năm: Trình độ chuyên môn:

- Chức vụ hiện tại tại Công ty:

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm tỷ lệ%

Trong đó : + Số cổ phần sở hữu.....cổ phần

+ Số cổ phần đại diện sở hữu.....cổ phần

2.

3.

Tóm tắt sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên đã được Ban tổ chức công bố thông tin theo quy định để các Quý vị cổ đông xem xét.

Hội đồng quản trị công ty xin kính trình và đề nghị Đại hội tiến hành bầu cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025 – 2030).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự Thảo

Hải Phòng, ngày.....tháng 04 .năm 2025



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (sau đây gọi là “Công ty”).
2. Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- 2.1 “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.
- 2.2 “**ĐHĐCĐ**” hoặc “**Đại hội**” là Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.
- 2.3 “**Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông**” là người được cổ đông ủy quyền hợp lệ bằng văn bản để tham dự và thực hiện các quyền hợp pháp của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 2.4 “**Đại biểu**” là cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (hợp lệ) của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày 08/04/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc những người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

Điều 4. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội phải lập thành văn bản và có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền, người được ủy quyền phải có CCCD/Hộ chiếu phù hợp với thông tin được ghi trên giấy ủy quyền, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định tại Quy chế này. Cụ thể như sau:

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Nếu cổ đông không xác định số lượng cổ phần ủy quyền cho từng người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức (Có đóng dấu của tổ chức) ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức (Có đóng dấu của cổ đông tổ chức) và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền: Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền cho Công ty trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực kể từ khi Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền.
4. Việc hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu người đại diện theo ủy quyền đã hoàn thành thủ tục đăng ký dự họp với Ban tổ chức tại ngày tổ chức Đại hội hoặc đã bỏ phiếu biểu quyết với bất kỳ nội dung nào trong Chương trình họp của Đại hội

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các đại biểu tham dự Đại hội

1. Quyền của các đại biểu tham dự Đại hội

- Được quyền tham dự Đại hội.
- Được Ban tổ chức Đại hội thông báo nội dung, chương trình họp tại Đại hội.
- Được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền đại diện và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty..
- Đại biểu tham dự Đại hội muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề, nội dung tiếp theo của Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua, hiệu lực của các vấn đề biểu quyết trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các đại biểu khi tham dự đại hội

- Đại biểu đến tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau: Thư mời họp, Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy ủy quyền họp lệ (nếu có)
- Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Vào phòng họp cần ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức hướng dẫn; có trách nhiệm giữ trật tự chung, nghiêm túc chấp hành nội quy, quy chế cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tuân theo sự điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức. Tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;
- Trong phần thảo luận, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền phát biểu trực tiếp tại phòng họp, hoặc ghi ý kiến phát biểu vào phiếu ghi ý kiến đóng góp và gửi tới Ban Thư ký để báo cáo Chủ tọa thu xếp, phân công người có trách nhiệm trả lời. Nội dung ý kiến Phát biểu, đóng góp của cổ đông cần ngắn gọn, tập trung vào vấn đề trọng tâm cần thảo luận và chỉ nằm trong những vấn đề trong chương trình nghị sự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
- Cổ đông có Nghĩa vụ tham dự và biểu quyết với các nội dung thảo luận tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Ban kiểm tra tư cách đại biểu có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội gồm các giấy tờ đã được ghi nhận tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.
- Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của Giấy ủy quyền của cổ đông.
- Đăng ký dự họp cho cổ đông, cấp mã số biểu quyết và lưu giữ thông tin đăng ký dự họp của cổ đông
- Phát tài liệu Đại hội cho Đại biểu tới tham dự Đại hội: Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu khác
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT Công ty hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc việc bầu chủ tọa sẽ được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 28 Điều lệ Công ty và luật Doanh nghiệp.
2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội sẽ là quyết định cuối cùng.
3. Chủ tọa có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự; và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham

dự;

4. Chủ tọa có quyền yêu cầu Ban tổ chức hoặc cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; đưa những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình họp, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đó nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
6. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp
7. Bất cứ lúc nào, Chủ tọa cũng có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, chủ tọa Đại hội phải thực hiện:
 - Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (Hoặc tiếp tục tham dự) đại hội
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - b. Người dự họp trực tiếp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký do Chủ tọa chỉ định và có các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được thảo luận, kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;
- Ghi nhận các kết quả biểu quyết của cổ đông về các nội dung thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
- Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông và chuyển cho Chủ tọa Đại hội;
- Dự thảo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa;
- Ban Thư ký có quyền ghi âm, ghi hình về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công ty và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm đếm, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu, xác định kết quả bầu cử và biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội;

3. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu cho Chủ tọa Đại hội hoặc Ban Thư ký Đại hội;
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó;
- Ban kiểm phiếu sẽ có thêm một số người giúp việc hỗ trợ làm nhiệm vụ phát phiếu, thu phiếu để kịp thời gian và tiến độ của Đại hội.

Chương III **TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số Đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thì Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18 - Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong một buổi làm việc.
2. Đại hội sẽ thông qua chương trình họp, tiến hành thảo luận và thông qua từng nội dung nêu tại chương trình họp.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Đại hội đồng cổ đông thảo luận theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây

- **Nguyên tắc:** Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải giơ Thẻ biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Đại biểu đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội thông qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi;
- **Các thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trong tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo Đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp;
- Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Chủ tọa sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong ban điều hành công ty trả lời các ý kiến này

Chương IV
BIỂU QUYẾT, THẺ LỆ BIỂU QUYẾT VÀ
ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA

Điều 13: Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai theo nguyên tắc sau:

- Đại hội tiến hành biểu quyết trực tiếp từng vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội. Cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết tất cả các vấn đề cần lấy ý kiến tại Đại hội bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội hoặc tích dấu (x) hoặc dấu (√) vào phiếu biểu quyết thì sau khi biểu quyết xong các nội dung tại Đại hội thì bỏ phiếu vào thùng phiếu;
- Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề ngay tại Đại hội để xác định tỉ lệ biểu quyết đối với mỗi vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua;
- Theo đó, mỗi Đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát:
 - ♣ Một (01) “**Thẻ biểu quyết**” có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Công ty. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung như: Quy chế tổ chức Đại hội. Chương trình Đại hội; nhân sự Ban Kiểm phiếu; Biên bản Đại hội và các vấn đề khác;
 - ♣ Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” có ghi mã Đại biểu, tổng số phiếu biểu quyết sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Công ty, dùng để biểu quyết đối với các báo cáo, tờ trình trong Đại hội. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.
 - ♣ Một (01) “**Phiếu bầu Hội đồng Quản trị**” và một (01) “**Phiếu bầu Ban kiểm soát**” Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030, có ghi mã Đại biểu, tổng số phiếu biểu quyết sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Công ty, dùng bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

3. Thẻ lệ biểu quyết và bầu cử

3.1 Phương thức giơ Thẻ biểu quyết

- Mỗi Đại biểu tham dự được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các Đại biểu biểu quyết bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung trong Đại hội trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.
- Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều được xin ý kiến theo trình tự:
 - + Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
 - + Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
 - + Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.
- Trường hợp đại biểu giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một lần với một nội dung thì ý kiến cuối cùng của đại biểu sẽ được ghi nhận với nội dung biểu quyết đó.
- Trường hợp đại biểu không thực hiện giơ Thẻ biểu quyết với một trong các nội dung nào đó của Đại hội thì được coi như tán thành về vấn đề đó và không có quyền khiếu nại về các quyền liên quan đến vấn đề đó.

3.2 Phương thức nộp Phiếu biểu quyết

- a. Đại biểu tiến hành biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết. Đối với từng nội dung biểu quyết, Đại biểu chọn một trong ba phương án **“Tán thành”**, **“Không tán thành”**, **“Không có ý kiến”** được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc “☑” vào ô mà Đại biểu chọn. Sau khi đánh dấu vào các nội dung cần biểu quyết, Đại biểu ký, ghi rõ họ tên và bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- b. Phiếu biểu quyết hợp lệ:
 - ♣ Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và được đóng dấu của Công ty theo quy định.
 - ♣ Phiếu có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.
 - ♣ Phiếu không có gạch xóa, cạo, sửa chữa, rách nát,... vào nội dung in sẵn. Không ghi thêm nội dung biểu quyết nào khác. Khi có bổ sung nội dung, Đại biểu ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết theo yêu cầu của Ban tổ chức. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhằm có thể liên hệ với Ban tổ chức/Ban kiểm phiếu để xin cấp lại Phiếu Biểu quyết;
 - ♣ Trên mỗi tờ phiếu biểu quyết, có thể có nhiều nội dung biểu quyết. Nội dung biểu quyết được coi là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một trong ba ô: “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”. Nội dung biểu quyết được coi là không hợp lệ khi Đại biểu không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng một nội dung biểu quyết. Trường hợp tờ phiếu biểu quyết hợp lệ nhưng có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại sẽ không bị ảnh hưởng.
- c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - ♣ Phiếu không theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức phát ra.
 - ♣ Phiếu không có đầy đủ chữ ký và không ghi rõ họ tên của Đại biểu.
 - ♣ Phiếu biểu quyết ghi bằng bút chì hoặc bị tẩy xóa, cạo, sửa chữa, rách nát, viết thêm nội dung khác ngoài quy định vào phiếu biểu quyết. Khi đó tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
 - ♣ Phiếu biểu quyết có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ.
 - ♣ Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu.
- d. Phiếu không thu về:

Là phiếu được phát tại Đại hội nhưng không được gửi về cho Ban kiểm phiếu.
- e. Trường hợp Đại biểu có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết (“Phiếu biểu quyết hỏng”), nếu Đại biểu chưa bỏ phiếu vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, Đại biểu được quyền gặp trực tiếp Ban Kiểm phiếu để trả lại Phiếu biểu quyết hỏng và đổi lấy Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi của Đại biểu. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết hỏng gửi lại Đoàn Chủ tọa.
- f. Trường hợp Đại biểu đến dự họp muộn, Đại biểu vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết những vấn đề, nội dung tiếp theo của Đại hội. Đại biểu không có quyền tham gia biểu quyết những vấn đề đã bỏ phiếu xong. Trong trường hợp này hiệu lực của những nội dung biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.
- g. Kiểm tra và tổng hợp kết quả:

- ♣ Phiếu biểu quyết sau khi được thu thập sẽ được kiểm tra về tính hợp lệ theo quy định. Khi tổng hợp kết quả các phiếu thu về, phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ....
- ♣ Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến (04) số thập phân;
- ♣ Ban kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau: Số cổ phần biểu quyết cho từng nội dung biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết cho từng tình trạng biểu quyết: Hợp lệ, không hợp lệ, Tán Thành, không tán thành, không có ý kiến;
- ♣ Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thay mặt Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội,

Điều 14. Thông qua các vấn đề tại Đại hội.

Các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có sự chấp thuận của các đại biểu có mặt tại Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp

Chương V

BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Tất cả những nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký Đại hội ghi nhận vào Biên bản họp. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
- Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác được lưu giữ tại trụ sở Công ty;
- Biên bản Đại hội phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong vòng 24h kể từ khi kết thúc Đại hội.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua, chủ tọa Đại hội ký ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được lấy ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông báo tới các cổ đông bằng cách đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế này gồm 6 chương, 17 Điều và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Đại biểu và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác Lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: BB/ĐHĐCD

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI- NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XXVI - năm 2025, Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được tổ chức vào hồi 08h00 ngày 05/05/2025.

Địa điểm Đại hội: Trung tâm tiệc cưới Lạc Hồng, 20A Lê Hồng Phong phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

A – Đại hội đã tiến hành thực hiện các thủ tục để tiến hành Đại hội

1. Tham dự Đại hội có cổ đông và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội, sở hữu và đại diện sở hữu:cổ phần, chiếm tỷ lệ : % số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Căn cứ theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài đủ điều kiện để tiến hành Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông có quyền biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

Việc biểu quyết được thực hiện theo nguyên tắc: 1 cổ phần = 1 quyền biểu quyết

2. Vào hồigiờ.....phút ngày 05/05/2025 Đại hội tiến hành bỏ phiếu thông qua Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu, Chương trình họp và Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông với kết quả như sau:

2.1 Đại hội đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ Tịch với Tổng số tờ phiếu tán thành:, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, gồm các ông, bà có tên sau :

Đoàn chủ tịch Đại hội : Ông Vũ Ngọc Sinh - Chủ tịch HĐQT

Ông Phạm Sĩ Tú - Phó chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Linh Sơn - Thành viên HĐQT – Giám đốc



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

Đoàn chủ tịch đã chỉ định Ông Phạm Sĩ Tú là chủ tọa Đại hội và Ông Lê Minh Hiệu là Thư ký Đại Hội.

2.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu với tổng số tán thành , đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, gồm các ông, bà có tên sau :

- Ông Nguyễn Quốc Chiến - Trưởng ban
- Ông Bùi Hải An - Thành viên
- Ông Phạm Sĩ Hùng - Thành viên
- Bà Lê Thu Trang - Thành viên
- Ông Phan Khôi - Thành viên

2.3. Đại hội đã biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với tổng số tán thành , đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

2.4. Đại hội đã biểu quyết thông Quy chế tổ chức và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với tổng số tán thành : đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

B – Nội dung chính của Đại hội

I. Nội dung 1 và 2: Sửa đổi Điều lệ Công ty, Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Đại hội đã nghe ông Phạm Sĩ Tú- Chủ tọa Đại hội trình bày:

- Nội dung 1: Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty
- Nội dung 2: Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung về việc sửa đổi điều lệ Công ty và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết của Đại hội:

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

Tổng số tờ phiếu phát ra:....., đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: , đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: , đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



1 – Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị việc sửa đổi Điều lệ Công ty (có báo cáo kèm theo)

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 1 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

2 – Thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (có báo cáo kèm theo)

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 2 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

II. Nội dung 3 – Nội dung 8: Các báo cáo, tờ trình thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Đại hội đã nghe trình bày các báo cáo, Tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty:



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

1. Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030)
2. Nội dung 4: Báo cáo của Ban Giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025
3. Nội dung 5: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ VI (2020-2025), năm 2024 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030)
4. Nội dung 6: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã kiểm toán năm 2024
5. Nội dung 7: Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán trong năm 2025
6. Nội dung 8: Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Đại hội đã tiếp nhận được một số ý kiến của cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội, góp ý kiến bổ sung vào các báo cáo, ý kiến của cổ đông đã được Chủ tọa và Người được Chủ tọa chỉ định giải đáp trên tinh thần dân chủ và cầu thị.

Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội theo Nội dung 3 đến Nội dung 8

Sau khi nghe Chủ tọa và Người được chỉ định giải đáp những ý kiến chất vấn, góp ý của các cổ đông, với sự nhất trí cao, Vào hồigiờ.....phút Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết của Đại hội:

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

Tổng số tờ phiếu phát ra:....., đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: , đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: , đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

1 – Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động nhiệm kỳ VI (2020-2025) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030) (có báo cáo kèm theo)

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

Tổng số tờ phiếu tán thành:đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 3 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

2 – Thông qua báo cáo về Kết quả kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

• Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm trước
Doanh thu SXKD	33,000,000,000	36,141,722,674	99,007,354,671	109.52%	36.50%
- Dịch vụ hàng hải			1,375,820,880		-
- Cho thuê lao động	32,600,000,000	35,315,948,131	77,477,996,407	108.33%	45.58%
- Cho thuê VP + tài sản	400,000,000	825,774,543	1,037,617,064	206.44%	79.58%
- Hoạt động thương mại			19,115,920,320		-
Lợi nhuận trước thuế	8,200,000,000	8,782,212,865	667,900,881	107.10%	1314.90%
Chi phí thuế TNDN	1,640,000,000	1,792,916,983	177,032,257	109.32%	1012.76%
Lợi nhuận sau thuế	6,560,000,000	6,989,295,882	490,868,624	106.54%	1423.86%

• Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo hợp nhất năm 2024

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm trước
Doanh thu SXKD	152,600,000,000	143,569,588,748	84,376,018,555	94.08%	77.87%
- Vận tải và DVHH	4,000,000,000	662,592,000	5,581,420,880	16.56%	11.87%
- Cho thuê lao động	133,600,000,000	138,426,469,654	158,854,815,052	103.61%	87.14%
- Cho thuê văn phòng			690,680,103		



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

- HĐ thương mại	15,000,000,000	4,480,527,094	19,249,102,520	29.87%	23.28%
Lợi nhuận trước thuế	11,200,000,000	12,124,543,522	2,676,446,677	108.25%	453.01%
Chi phí thuế TNDN	2,240,000,000	2,481,433,104	2,159,329,703	110.78%	114.92%
LN Sau thuế	8,960,000,000	9,643,110,418	517,116,974	107.62%	1864.78%

- **Thực hiện chỉ tiêu tiền lương năm 2024**

Đơn giá tiền lương thực hiện năm 2024: 5,81% tổng doanh thu

2.2 Kế hoạch kinh doanh năm 2025

- **1. Tổng doanh thu hợp nhất:** 151.200.000.000 đ
- Dịch vụ hàng hải: 1.500.000.000 đ
- Cho thuê lao động: 140.200.000.000 đ
- Hoạt động thương mại: 9.500.000.000 đ
- Trong đó:
- Doanh thu riêng của Công ty mẹ: 33.500.000.000 đ
- **2. Tổng lợi nhuận:**
- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 7.500.000.000 đ
- Kế hoạch lợi nhuận của Công ty mẹ: 2.100.000.000 đ
- **3. Đơn giá tiền lương:**
- 6% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất)
- Trong đó:
- 5,35% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất) cho bộ phận quản lý và thưởng quỹ lương cuối năm cho toàn bộ CBCNV (không bao gồm tiền lương thuyền viên làm thuê).
- 0,65% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 04 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

3 - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động nhiệm kỳ VI (2020-2025), năm 2024 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030) (có báo cáo kèm theo.)

Kết quả kiểm phiếu như sau :

Tổng số tờ phiếu hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính
trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: %
tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 05 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

4 - Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA thực hiện việc soát xét/kiểm toán Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025 của Công ty. (có báo cáo kèm theo)

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính
trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: %
tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm:
% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 06 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

5 – Thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (có tờ trình kèm theo).

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 07 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

6 – Thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty (có tờ trình kèm theo).

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ:đại diện cho:phiếu biểu quyết, chiếm: % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Như vậy Nội dung 08 đã được Đại hội thông qua với tỉ lệ%

III. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030)

Đại hội đã nghe trình bày:

- Hướng dẫn đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030).
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030)

Danh sách các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.

Danh sách các ứng viên thành viên Ban kiểm soát:

- 1.
- 2.
- 3.

Ông Nguyễn Quốc Chiến – Trưởng Ban kiểm phiếu điều hành việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và trình bày Biên bản kiểm phiếu với kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty như sau:

1 Danh sách ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

--	--	--	--

Danh sách ứng viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ

C. Thủ tục bế mạc Đại hội

Đại hội nghe ông Lê Minh Hiệu- Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, Đại hội đã thông qua với kết quả% cổ đông nhất trí với nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Đại hội đã nghe ông Phạm Sĩ Tú, Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 12h30 ngày 05 tháng 05 năm 2025.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thư ký Đại hội

Chủ tọa Đại hội

Lê Minh Hiệu

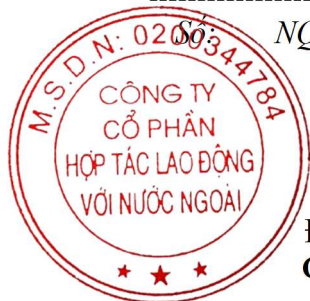
Phạm Sĩ Tú



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác Lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



NQ/ĐHĐCD

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

NGHỊ QUYẾT **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025** **CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI – NĂM 2025 **CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XXVI, ngày 05 tháng 05 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (có tờ trình kèm theo). Giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trên cơ sở nội dung được thông qua và thực hiện công bố/dăng ký theo quy định của pháp luật.

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ VI (2020-2025), năm 2024 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030) (Có báo cáo kèm theo).

Điều 3: Phê duyệt Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán, với một số chỉ tiêu đã thực hiện như sau :



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

3.1. Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

- Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm trước
Doanh thu SXKD	33,000,000,000	36,141,722,674	99,007,354,671	109.52%	36.50%
- Dịch vụ hàng hải			1,375,820,880		-
- Cho thuê lao động	32,600,000,000	35,315,948,131	77,477,996,407	108.33%	45.58%
- Cho thuê VP + tài sản	400,000,000	825,774,543	1,037,617,064	206.44%	79.58%
- Hoạt động thương mại			19,115,920,320		-
Lợi nhuận trước thuế	8,200,000,000	8,782,212,865	667,900,881	107.10%	1314.90%
Chi phí thuế TNDN	1,640,000,000	1,792,916,983	177,032,257	109.32%	1012.76%
Lợi nhuận sau thuế	6,560,000,000	6,989,295,882	490,868,624	106.54%	1423.86%

- Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo hợp nhất năm 2024

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		So sánh	
		Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch	Năm trước
Doanh thu SXKD	152,600,000,000	143,569,588,748	84,376,018,555	94.08%	77.87%
- Vận tải và DVHH	4,000,000,000	662,592,000	5,581,420,880	16.56%	11.87%
- Cho thuê lao động	133,600,000,000	138,426,469,654	158,854,815,052	103.61%	87.14%
- Cho thuê Vphòng			690,680,103		
- HĐ thương mại	15,000,000,000	4,480,527,094	19,249,102,520	29.87%	23.28%
LN trước thuế	11,200,000,000	12,124,543,522	2,676,446,677	108.25%	453.01%
Chi phí thuế TNDN	2,240,000,000	2,481,433,104	2,159,329,703	110.78%	114.92%
LN Sau thuế	8,960,000,000	9,643,110,418	517,116,974	107.62%	1864.78%

3.2. Phê duyệt việc thực hiện chỉ tiêu tiền lương năm 2024

Phê duyệt đơn giá tiền lương thực hiện năm 2024: 5,81% tổng doanh thu.

Điều 4 Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025

Phê duyệt kế hoạch kinh doanh theo báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Công ty mẹ như sau:

4.1. Tổng doanh thu hợp nhất: 151.200.000.000 đ

- Dịch vụ hàng hải: 1.500.000.000 đ
- Cho thuê lao động: 140.200.000.000 đ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

- Hoạt động thương mại: 9.500.000.000 đ
Trong đó: Doanh thu riêng của Công ty mẹ: 33.500.000.000 đ

4.2. Tổng lợi nhuận:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 7.500.000.000 đ
- Kế hoạch lợi nhuận của Công ty mẹ: 2.100.000.000 đ

4.3. Đơn giá tiền lương: 6% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất)

Trong đó:

- 5,35% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất) cho bộ phận quản lý và thưởng quỹ lương cuối năm cho toàn bộ CBCNV (không bao gồm tiền lương thuyền viên làm thuê).
- 0,65% tổng doanh thu (theo báo cáo hợp nhất) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 5: Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán *(Có tờ trình kèm theo)*.

Điều 6: Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA thực hiện việc soát xét/kiểm toán Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025 của Công ty *(có tờ trình kèm theo)*.

Điều 7: Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty *(có tờ trình kèm theo)*. Giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trên cơ sở nội dung được thông qua và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8:

Thông qua Danh sách ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2025-2030)

8.1. Danh sách ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ
1			
2			
3			
4			



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXVI

5			
---	--	--	--

8.2. Danh sách ứng viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ
1			
2			
3			

Điều 9:

Điều khoản thi hành Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận :

- Như điều 6
- UBCKNN, HNX
- Cổ đông công ty (qua website Cty)
- Lưu HĐQT, HC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

1. BÊN ỦY QUYỀN

Cổ đông:
CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN số: cấp ngày/...../..... tại
Mã số giao dịch chứng khoán (đối với cổ đông nước ngoài) số:
Hiện đang sở hữu..... cổ phần ILC theo danh sách cổ đông chốt ngày 08/04/2025.

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ tên:
CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày/...../..... tại
Địa chỉ:

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

- Bên được ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài tổ chức vào ngày 05/05/2025.
- Bên được ủy quyền thực hiện quyền biểu quyết tất cả những vấn đề tại Đại hội và thực hiện quyền của người sở hữu cổ phiếu tại Đại hội theo số cổ phần mà Bên ủy quyền đang sở hữu.
- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài.
- Bên được ủy quyền và Bên được ủy quyền cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật, quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Điều lệ của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú ý: Đề nghị Người được ủy quyền mang theo Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền, CCCD/hộ chiếu của người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội.

Đối với trường hợp người được ủy quyền là tổ chức: Người đại diện hợp pháp vui lòng ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu tổ chức.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025-2030

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Chúng tôi/Tôi là cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, đại diện cho cổ phần, tương đương với % vốn điều lệ của Công ty (danh sách chi tiết đính kèm) đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị cho chúng tôi/tôi được đề cử:

Ông/Bà :

Số CCCD/Hộ chiếu : Ngày cấp :

Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn : chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty

Làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhiệm kỳ (2025-2030). Chúng tôi/Tôi cam đoan Ông/Bà có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty. Chúng tôi/Tôi xin cam đoan những thông tin chúng tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực.

Hồ sơ ứng viên kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG /CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

Đối với trường hợp Cổ đông là tổ chức: Người đại diện hợp pháp vui lòng ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu tổ chức. Đối với trường hợp Cổ đông là cá nhân: vui lòng ký, ghi rõ họ và tên Cổ đông



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

★ ★ ★ STT	Họ và tên cổ đông, Người đại diện theo pháp luật (tổ chức)	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNDKDN, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng CP ILC nắm giữ	Ký tên xác nhận
1					
2					
3					
4					
5					
	Tổng cộng				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Chúng tôi/Tôi là cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, đại diện cho cổ phần, tương đương với % vốn điều lệ của Công ty (danh sách chi tiết đính kèm) đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị cho chúng tôi/tôi được đề cử:

Ông/Bà :

Số CCCD/Hộ chiếu : Ngày cấp :

Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn : chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty

Làm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhiệm kỳ (2025-2030). Chúng tôi/Tôi cam đoan Ông/Bà có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty. Chúng tôi/Tôi xin cam đoan những thông tin chúng tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực.

Hồ sơ ứng viên kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG /CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

Đối với trường hợp Cổ đông là tổ chức: Người đại diện hợp pháp vui lòng ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu tổ chức. Đối với trường hợp Cổ đông là cá nhân: vui lòng ký, ghi rõ họ và tên Cổ đông



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

STT	Họ và tên cổ đông, Người đại diện theo pháp luật (tổ chức)	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng CP ILC nắm giữ	Ký tên xác nhận
1					
2					
3					
4					
5					
	Tổng cộng				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&-----

ĐƠN ỨNG CỬ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025-2030
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tên tôi là :

Số CCCD/Hộ chiếu : Ngày cấp :

Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú :

.....

Trình độ học vấn :

Hiện đang sở hữu : cổ phần phổ thông của Công ty
(Bằng chữ :))

Tương ứng với tỷ lệ sở hữu là:.....% vốn điều lệ của Công ty.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị cho tôi được ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức vào ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin gửi kèm theo đây bản Sơ yếu lý lịch bản gốc; Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu, các chứng chỉ, bằng cấp chuyên môn của bản thân. Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&-----

ĐƠN ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tên tôi là :

Số CCCD/Hộ chiếu : Ngày cấp :

Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú :

.....

Trình độ học vấn :

Hiện đang sở hữu : cổ phần phổ thông của Công ty

(Bằng chữ :)

Tương ứng với tỷ lệ sở hữu là:.....% vốn điều lệ của Công ty.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị cho tôi được ứng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức vào ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin gửi kèm theo đây bản Sơ yếu lý lịch bản gốc; Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu, các chứng chỉ, bằng cấp chuyên môn của bản thân. Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

(ảnh mẫu
mới nhất)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị)

1. Họ và tên:.....Giới tính: Nam/Nữ.....

2. Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh:.....

3. Quốc tịch:.....

4. Số CCCD/Hộ chiếu:.....Cấp ngày...../...../.....Tại.....

5. Địa chỉ thường trú:.....

6. Số điện thoại liên lạc:.....Email:.....

7. Trình độ văn hoá:.....

8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã làm qua (làm gì, ở đâu)	Ghi chú

10. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có)

:.....

11. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKDN	Ngày/ nơi cấp	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp

12. Số CP nắm giữ (tính đến ngày ĐKCC) tại Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài:

.....cổ phần, chiếm..... % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện tổ chức khác sở hữu:.....

+ Cá nhân sở hữu:.....

13. Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....

14. Danh sách người có liên quan của người khai*:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài	Mối quan hệ với người khai

15. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có):

.....

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có):

.....

.....

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

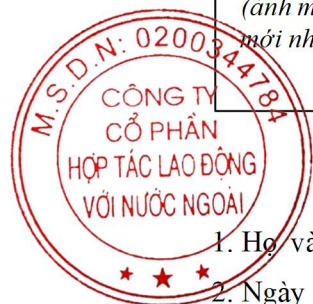
**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA
PHƯƠNG HOẶC CƠ QUAN NƠI CÔNG TÁC**
(Ký tên và đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

(ảnh mẫu
mới nhất)



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát)

- Họ và tên:.....Giới tính: Nam/Nữ.....
- Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh:.....
- Quốc tịch:.....
- Số CCCD/Hộ chiếu:.....Cấp ngày...../...../.....Tại.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....Email:.....
- Trình độ văn hoá:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã làm qua (làm gì, ở đâu)	Ghi chú

10. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có)

:.....

11. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKDN	Ngày/ nơi cấp	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp

12. Số CP nắm giữ (tính đến ngày ĐKCC) tại Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài:

.....cổ phần, chiếm..... % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện tổ chức khác sở hữu:.....

+ Cá nhân sở hữu:.....

13. Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....

14. Danh sách người có liên quan của người khai*:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài	Mối quan hệ với người khai

15. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có):

.....

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có):

.....

.....

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (nếu có):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA
PHƯƠNG HOẶC CƠ QUAN NƠI CÔNG TÁC**
(Ký tên và đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

MSDN: 0200344784 - Trụ sở: Tầng 2 Toà nhà Piaggio số 3 lô 28A
Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3826867 – Email: inlaco hp@inlaco hp



PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

<Mã Đại biểu>

Tên Cổ đông/Người đại diện:

CCCD/Hộ chiếu số:

1. Hướng dẫn bầu cử:

- Một nội dung biểu quyết có 3 lựa chọn, chỉ được đánh dấu X vào một lựa chọn;
- Nếu không đánh dấu vào lựa chọn nào được hiểu là không có ý kiến;
- Muốn thay đổi lựa chọn thì gạch sai và chọn lại, đồng thời ký nháy tại chỗ lựa chọn đúng.

2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là:

- Phiếu không theo mẫu quy định;
- Hoặc có nhiều hơn 1 lựa chọn trong 1 nội dung biểu quyết.

3. Nội dung biểu quyết:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030)

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm nhiệm kỳ VI (2020-2025) và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ VII (2025-2030)

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

➤ 4. Thông qua Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2025

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

5. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

Cổ đông/Người đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CTY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nhiệm kỳ 2025 – 2030

Mã số bầu cử: 001

Tên cổ đông: Trần Văn A

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền: 1000 cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: $1000 \times 5 = 5.000$ cổ phần

DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN

TT	Họ và Tên	Số cổ phần được bầu
01		
02		
03		
04		
05		
06		
07		
Tổng cộng		

Chữ ký của cổ đông/Người được Ủy Quyền
(Ký tên)

- Mỗi cổ đông được phát một phiếu bầu cử duy nhất cho toàn bộ số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và được ủy quyền được quyền biểu quyết.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết của mỗi cổ đông bằng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng ứng viên được bầu của nhiệm kỳ.
- Cổ đông có thể bầu toàn bộ số cổ phần có quyền biểu quyết của mình cho một ứng viên hoặc chia nhỏ cho hai hay nhiều ứng viên mà mình muốn bầu sao cho tổng số cổ phần được bầu không vượt quá tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CTY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ 2025 – 2030

Mã số bầu cử: 001

Tên cổ đông: Trần Văn A

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền: 1000 cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: $1000 \times 3 = 3.000$ cổ phần

DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN

TT	Họ và Tên	Số cổ phần được bầu
01		
02		
03		
04		
05		
Tổng cộng		

Chữ ký của cổ đông/Người được Ủy Quyền
(Ký tên)

- Mỗi cổ đông được phát một phiếu bầu cử duy nhất cho toàn bộ số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và được ủy quyền được quyền biểu quyết.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết của mỗi cổ đông bằng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng ứng viên được bầu của nhiệm kỳ.
- Cổ đông có thể bầu toàn bộ số cổ phần có quyền biểu quyết của mình cho một ứng viên hoặc chia nhỏ cho hai hay nhiều ứng viên mà mình muốn bầu sao cho tổng số cổ phần được bầu không vượt quá tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.